

Năm thứ hai — Số 64
Tuần - lễ từ thứ tư 16 đến
thứ ba 22 Septembre 1942

TRI TÂN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần
Tòa báo : 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

Một vài câu danh-ngôn của đấng
Trần Hưng-Đạo Ứng-Học, Nguyễn Văn-Đỗ
Thắng hẳn mình, rồi tự-nhiên thắng người, Đường đức-Hiền
Cung đề Trần hưng-Đạo thánh
miếu Tàng vãn Nguyễn đôn-Phục
Nhắc nhở đến danh-niên Việt-nam xưa Đào anh-Tự
Sông Bạch-đăng (bãi càn) Lưu hữn-Phước — Mai văn-
Bộ — Nguyễn thành-Nguyễn
Vài nơi danh-thắng có quan-hệ với
Trần-sử (du-ký) Nguyễn Đôn-Tám
Hưng-Đạo cội vương (kịch bằng thơ) Trần văn-Bích
Tiết-thảo các ông thầy và tỉnh thầy trò
hồi trước (II) Tiên Đàm
Cách xếp đặt chữ nhỏ trong tự-diễn III Đào trọng-Đỗ
Trúc mai sum-hợp (XIII) Chu-Thiên

Một vài câu ĐỨC TRẦN

đanh ngôn của HUNG-ĐẠO

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

CHÉP lời đức Trần Hưng-Đạo, tất phải chép cả truyện ngài. Nhân sắp có hội đền Kiếp-bac, tôi lấy sách nhơ ra sao lại, trước la đề kỷ-niệm một bậc vĩ-nhân đã có công lớn với nước nhà, sau la đề bổ - chính một quyển sách quốc - văn xuất - bản hồi tháng bảy tây vừa rồi.

Đức Trần Hưng-Đạo tên húy là Trần-quốc-Tuấn. Hưng - Đạo vương là tên sắc phong của ngài.

Ngài là con người anh vua Trần Thái-tôn (1225-1258), là An-sinh-vương Trần-Lễ sinh ngày mùng mười tháng chạp năm mậu tý hiệu Kiến-trung thứ tư, 1228, đời vua Trần Thái-tôn (1), mất ngày hai-mươi tháng tám năm Hưng-long thứ tám 1300, đời vua Trần Anh-tôn (2).

Sách Ngự-chế Việt-sử tông-tịnh quyển 3, tờ 12b chép « ngài dung-mạo hùng vĩ, thông-minh hơn người, xem rộng học nhiều, có tài văn võ ».

Năm Thiệu-bảo thứ tư, tức là năm 1282, nhà Nguyên bên Tàu sai thừa tướng là Toa Đô, thái-tử là Thoát Hoan, bình-chương là A-Thị-h, và lũ A-Lý, Hải-Nha, chia đường vào cướp nước ta. Lúc bấy giờ, Trần Thánh-tôn là thái-thượng-hoàng, giả cách hỏi Trần quốc-Tuấn rằng: « Thế giặc như thế, ta có lẽ phải hàng. » Quốc-Tuấn thưa rằng: « Trước chém đầu tôi, rồi sau hỡi hàng! » (Tiền trăm thần thảy, nhiên hậu hàng).

Năm 1283, vua sai Quốc - Tuấn làm tiết-chế các quân thủy bộ, hợp quân của các tướng vương hầu ở Vạn-kiếp để chống-cự. Toa Đô thua, Thoát-Hoan và dư-đảng chạy; quân ta đánh úp giết được tướng Nguyên là Lý Thường.

Năm Trùng-hung thứ ba, tức là năm 1287, nhà Nguyên lại đem quân Mông-cổ sang ăn cướp (3). Vua Trần Nhân-tôn với đức Trần Hưng-Đạo hỏi mưu-kế. Ngài thưa rằng: « Năm nay thế gặc dễ đánh được » (4) Ngài chưa quán giữ các cửa ải; trước sai đóng cọc ở sông Bạch-đăng (5). Lỗ cổ ở trên; nhân khi nước triều lên, khiêu chiến; giặc đuổi theo thì nước triều xuống, thuyền mắc cọc; quân Nguyên thua to, quân ta bắt được lũ Ô-mã-nhi và Tích-lệ Cơ-ngọc.

Vì Hưng-Đạo vương có công lớn, được gia phong đại-vương-thượng-quốc-công. Tiếng đồn sang Tàu, người Tàu mỗi khi nhắc đến, thường gọi « Hưng-đạo vương », không gọi đến tên (6).

Một hôm, vua Trần Nhân-tôn nói với đại-vương rằng: « Nước nhà hai lần sắp nguy mà lại được yên, ấy là sức của Quốc-công-dầy » Đại-vương thưa rằng: « Chấn ngựa (đá ở Chiêu-lăng) còn dính bùn, là linh-thiêng của đức Tiên đế; các tướng cùng lòng là phúc của nước nhà: tôi có sức gì đâu « thần hà lực yén? » (7).

Vua Trần Thánh-tôn làm bài văn bia ở sinh-tử ngài, tôn ngài ngang hàng thượng-phụ như

cha, lại cho chuyển quyền phong tước từ hạng chữ « minh » trở xuống, duy tước hầu trước cho sau tâu: thế mà ngài chưa từng cho tước một người nào. Khi giặc vào ăn cướp, ngài sai những nhà giàu xuất gạo để cấp cho quân ngài cũng chỉ cho tước lang-tướng giả, như tước hàm bấy giờ, không cho tước lang-tướng thật. Cái tiết-tháo giữ phận làm tôi của ngài cần-thận như thế.

Trước kia vua Trần Thái-tôn cướp Lý công chúa là vợ cha ngài, hai bên sinh ra hiềm-khích. Cha ngài trong lòng căm-giận, khi sắp mất, dặn ngài rằng: « Con không vì cha mà lấy thiên-hạ, thì cha chết không nhắm mắt! ». Ngài không lấy lời cha dặn thế là phải. Kịp khi thiên-hạ loạn-lạc, quyền-quân-quốc hết thảy về ngài. Có một hôm ngài đem lời cha giả-cách hỏi các con. Con thứ là Quốc-Tảng thưa rằng: « Tổng Thái-tổ là một ông làm ruộng, thừa cơ dấy vận, mà có thiên-hạ. Ngài tuốt gươm loan chém, kẻ tội rằng: « Loạn thần hết thảy ở con nhà bất hiếu! ».

Khi ngài hổ giá, tay ngài thường chống gậy có bịt sắt nhọn. Ngài vốn là người có kỹ tài, lại nhân chuyện cha ngài có hiềm-khích với nhà vua, nên chúng đều nghiêng mắt đề ý. Ngài bèn bỏ đầu sắt nhọn, chỉ chống gậy không mà đi. Phàm gặp việc gì khó-khăn, ngài

đều xử chỉ một cách minh bạch như thế.

Ngài là tôn-thất chỉ thân, có mưu-lược hùng-vũ, thường lập được công lớn, lại hay vì nước tiến người hiền, như Dã-Tượng, Yết-Kiều là gia-thần của ngài mà được dự công đánh giặc Nguyên; Phạm-ngũ Lão, Trần-thì - Hiện, Trương-hán - Siêu, Phạm - Lãm, Trịnh - Dũ, Ngô - Sĩ, Nguyễn-thế-Trực, đều là môn-khách (8) của ngài, và đều có tài văn-chương chính sự hơn đời bấy giờ.

Lúc bình-cự, ngài làm bài hịch khuyến-răn các tướng-hiệu thuộc quyền ngài, có dẫn việc Kỷ-Tin chết thay cho Hán Cao, Do - Vu chịu mũi nhọn thay cho Sở - tử. Ngài lại soạn sách Bình-gia diệp lý yếu-lược (thường gọi tắt là Bình-gia yếu-lược, nay không còn, để dạy các lý-tướng, sưu-lập binh-pháp các nhà, làm những bức vẽ « bat quái », « cửu-cung », để tên là Vạn-kiếp tông bí-truyền thư (hoặc Vạn-kiếp binh thư, Trần-khánh - Dư đề tựa, nay cũng không còn) (9).

Tháng sáu năm Hưng-long thứ tám, tức là năm 1300, Đại-vương bị bệnh, vua Trần-Anh-Tôn ngự tới nhà, hỏi: « Nếu nói không kiêng, nghĩa là nếu Đại-vương mất, giặc Tàu lại sang thì làm thế nào? » Đại-vương thưa rằng: « Xưa Triệu-vũ - Đế Triệu - Đà, 206 137 trước kỷ-nguyên, dựng nước, vua nhà Hán đem quân tới đánh: ngoài đời vắng kẻ tiều-dân. Triệu - Đà lấy hết cả dân trong nước làm một đại-quân,

đại-quân vượt qua châu Khâm châu Liêm đánh Tráng-sa, đoản binh đánh tập hậu (10): bấy giờ thời-thế khác trong đời Đinh Lê, kén người hiền lương, đất Nam mới mạnh, phương Bắc nhọc mệt, trên dưới cùng một bụng, dân không ngã lòng, đắp thành Bình-lỗ để phá quân Tống: bấy giờ thời thế lại khác. Khi vua Lý mở nhà người Tống xâm lấn cõi đất, nhà Lý dùng Lý thường-Kiệt đi đánh, châu Khâm châu Liêm, dần dần đến tận Mai-linh: thời thế bấy giờ lại khác. Gần đây Toa-đô và Ô-mã-Nhi, bốn mặt vây đánh bên ta vua tôi đồng lòng, anh em hòa thuận, nước nhà gộp sức, kẻ kia tự đến cho ta bắt: giờ cho ta được như thế. Đại khái kẻ k'ia cậy trường trận, ta cậy đoản binh, lấy đoản binh chống trường trận, là sự thường trong binh pháp. Nếu thấy quân kẻ kia lướt đến như lửa như gió, thì thế dễ đánh được. Nếu kẻ k'ia dùng lối tằm ăn thông thả, không lấy của dân, không cầu mau được, thì mình phải chọn người lương tướng, biết xem quyền bեն, như thế cờ vẩy, tùy thời chế nghĩ, thu được binh phục tử, mới có thể dùng được; và lại phải nói sức dân để làm kế bền chặt gốc rễ, ấy là thượng sách giữ nước » (11).

Ngày 20 tháng 8 năm Hưng-long thứ tám (1300), đại-vương mất tại nhà riêng ở Vạn-kiếp, thọ hơn 70 tuổi. Xa gần kẻ khóc như tang cha mẹ, tin buồn tâu vua nghe; vua đang ngồi ở nhà tuyên

thất, khóc to lên rằng: « Thượng-phụ là nước nhà của ta, mặc do góp. cảm mũi nhọn, quyết sạch bụi Hồ, lấy lại thần kinh, vô yén muốn họ; nay bỏ trăm mà đi, tìm đâu cho lại được người lo dân yên nước như thượng-phụ? » Triều thần không ai là không rỏ nước mắt. Vua và các quan 11 thương đại-vương nên nghỉ chầu 10 ngày. Nhân-tôn thượng-hoàng và vua Anh-tôn truyền chỉ trăm quan đều mặc áo hiếu, tức là áo để chớ cha mẹ. Vua đi xe mộc, ngựa trắng, thân đến tận nơi trông nom việc tang, đem đồ đồng liệm táng ở vườn An-lạc, nay là phần rừng ấp An-sinh, huyện Đông-triều, tỉnh Hải-duong. Trước kia vua Thánh-tôn đã làm bài văn bia ở sinh-tử đại-vương, trong văn có ví đại-vương như Thái-công Thượng-phụ nhà Chu. Đến đây vua Anh-tôn làm văn bia, sắc phong là « Thái-sur Thượng-phụ Thượng-quốc-công bình Bắc đại-nguyên-soái long-công thịnh-dức vĩ-liệt hồng, huân nhân vũ Hưng-đạo đại-vương », sai lập miếu ở Thiên-trường và Vạn-kiếp (12) để nghìn năm cùng tế (13).

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

1) Quyền Trần-gia diên-tích, sách Bắc-cổ số A 314, tờ 58 b, chép Hưng-Đạo sinh ngày 10 tháng 12 năm nhâm-ý hiệu Nguyên-phong đời Trần Thái-tôn 1252. Đến tờ 81 a, lại chép ngày 20 tháng 8 năm canh tý Hưng-long thứ 8 đời Trần Anh-tôn 1300 đại-vương mất tại nhà riêng ở Vạn-kiếp, lúc bấy giờ tuổi

hơn 70; «thời niên thất thập dư». Cứ tính từ năm Nguyên phong thứ hai 1252 đến năm Hưng long thứ tám 1300 thì đại vương mới có 48 tuổi, chưa được 70. Ở trường Bắc cổ có quyển *Trần-triều hiền-thánh chính-kinh tập-biên*, số A 2382, cũng chép đại vương sinh năm Nguyên phong nhâm-tý, nhưng có người chữa lại là năm Kiến-trung mậu-tý 1228, mà chỗ chép hơn 70 tuổi thì chữa là 73 tuổi, có lẽ đúng hơn, vì bộ *Khâm-định Việt-sử*, quyển 6, tờ 40b, chép nam Nguyên phong thứ bảy 1257, tháng chạp, chủ trại Qui-hóa là Hà-Khuất sai trạm về tâu rằng quan Mông-cổ lại xâm-chiếm, vua sai Quốc-Tuấn đem các tướng tá-hữu mang quân đi chống-cự. Cứ như thế, nếu nói đại-vương sinh năm Nguyên-phong thứ hai thì đến năm Nguyên-phong thứ bảy đại-vương mới lên năm, mà vua đã sai đem quân đi đánh giặc! Vậy nên theo vào năm mậu-tý Kiến-trung thứ tư, tức là năm 1228: như thế thì năm đại-vương đi đánh giặc là năm 29 hay 30 tuổi.

2) Chép trong *Khâm-định Việt-sử*,

quyển 8, tờ 31 a.

3) Chép trong *Khâm-định Việt-sử*, quyển 8, tờ 2 a. *Việt-sử tông-vịnh*, quyển 3, tờ 13 a, chép là năm Trùng hưng thứ hai.

4) Nguyên-văn chữ Hán là «kim niên tặc nhân». *Khâm-định Việt-sử*, quyển 8, tờ 2 b, chưa chữ «nhân» là: «cựu-sử chú do ngôn dị giả», sử cũ chưa nghĩa chữ nhân cũng như nghĩa chữ dị là dễ.

5) Sông Bạch-đăng «phát nguyên từ sông Lục-đầu ở Bắc-ninh, phân lưu vào Hải-dương, một chi từ Mỹ-giang, một chi từ núi Châu-cốc, hai ngọn nhập một, chảy vào xã Đoan-lễ sông Bạch-đăng, phía nam giáp huyện Thủy đường, tỉnh Hải-dương, phía bắc giáp huyện Yên-hưng, tỉnh Quảng-yên; từ phía nam đi 291 dặm đến cửa Nam-triều. Sách Địa lý chí của ông Nguyễn - Trãi chép rằng: «Sông Bạch-đăng biệt-hiệu là sông Văn-cừ, rộng hơn hai dặm, các núi cao lởm chởm, các ngọn sông chảy qua đấy, sóng gió ngất trời, cây cối rậm-rạp, thật là chỗ hiểm yếu của đường bề. Tiền Ngô vương Quyền đánh được Hoàng

Táo; Trần Hưng-Đạo vương đánh được quân nhà Nguyên đều ở đấy». *Khâm-định Việt-sử*, quyển 5, tờ 19 b-20a.

6) Chép trong *Việt-sử tông-vịnh*, quyển 3, tờ 12 b-13b

7) Chép trong *Trần-thánh chính-kinh tập-biên*, tờ 102 b.

8) Môn khách, là những người mà đức Trần Hưng-Đạo nuôi ở trong nhà, coi như khách; khi nhà nước có việc thì đại-vương tiến đề nhà vua dùng.

9) Chép trong *Việt sử tông vịnh*, quyển 3, tờ 13b-15a.

10) Đoàn-binh là dao với đỉnh, trường-binh là cung với tên Hạng nỏ truyền, dẫn trong *Từ-nguyên*.

11) Chép trong *Khâm-định Việt sử* quyển 8, tờ 31b, và *Trần-triều hiền thánh chính kinh tập biên*, tờ 103a.

12) Thiên-trường là phủ Xuân-trường bây giờ; Vạn kiếp nay thuộc về hai xã Dục-sơn và Vạn-an, huyện Chí linh (*Trần thánh chính kinh*, tờ 104a-b.)

13) Chép trong *Trần-thánh chính kinh*, tờ 104 a-b.

Các bạn thiếu-niên vừa bước chân ra khỏi học đường đừng bỏ qua mà chẳng đọc:

«Tiền và thương mại»

và

«Chiến thuật con buôn»

Nó là loại sách thiết-thực ASAU và cũng là bạn thân của những người có chí và có máu Annam đứng-dấn.



MAISON ASAU

72, Rue Chaigneau, Saigon

ĐÃ CÓ BÁN:

THO' HÀN MẶC TỬ'

— Những bài thơ chọn lọc của nhà thi sĩ thiên tài mà cái chết đã làm sôi nổi dư luận thi-giới và văn - giới Việt Nam.

— Đã có 7 cuộc diễn thuyết, 5 tờ báo pháp văn, 7 tờ báo quốc ngữ và 2 cuốn sách phê bình về thi văn và thân thế thi sĩ.

Sách in rất đẹp tại một nhà in lớn ở Hà-nội — Họa sĩ Phạm Tú Minh họa và trông nom về phần mỹ thuật

ĐÔNG PHƯƠNG xuất bản

227 — P. Blanchy — Saigon

« Thắng hẳn mình, rồi tự-nhiên thắng người »

Riêng dân-tộc Việt-Nam đã hiểu rõ lẽ đó

TRƯỚC CUỘC XÂM-LĂNG ÁC-LIỆT CỦA NGƯỜI MÔNG-CỔ

DƯƠNG-ĐỨC-HIỀN

THÀNH - CÁT TỰ - HÃN (Gengis Khan), A-Loa-Đài (Ogotai), Hốt-tất-liệt (Koubilaï) kế tiếp nhau gây-dựng lên đế-quốc Mông-Cổ. Đế-quốc này vĩ-dại hơn đế-quốc của A - lịch - san (Alexandre) ở đời Thượng-cổ, của Nã - phá - luân Napoléon, rộng bằng nửa thế-giới, ở thế-kỷ thứ mười ba, người ta chưa biết Mỹ - châu. Cùng với những thượng-tướng dũng-cảm và đa-mưu, những quân đi ngựa và bắn cung kỳ-tài, các vị hoàng-đế đó đã chinh-phục một cách dễ dàng Trung-hoa, Cao-ly, các miền Trung Á, Ba-tur, Tiểu Á-tế-á, Cận-đông, đã đánh bại dân Hung, Nga, Ba-lan.

Đọc từ Bắc-cực tới vịnh Bengale, ngang từ Cao-ly tới sông Volga, mấy mươi dân-tộc bị đàn-áp, giày xéo. Người Mông-cổ có hai nguyên-tắc : đối-đãi có độ-lượng với dân-tộc nào chịu hàng-phục ngay, tàn-sát hết dân-tộc nào chống-cự lại họ. Dân-tộc nào cam-chịu hiến ngay giang-sơn của mình cho họ, thì nguyên-tắc hành-động thứ hai được thi-hành đến triệt-đề. Ở Ba-tur, người Hồi (Musulmans) tin rằng nhân-loại sắp đến ngày bị tiêu-diệt ; họ gọi những nơi bị tàn-phá là « những thành thảm-sầu ». Một người Hồi-nói :

« Họ tới, họ phá-phách, giết chóc, hãm hiếp, đốt nhà, cướp của... rồi họ đi ». Họ đi như bay, vì những chặng đường của họ không tính bằng cây số, mà bằng vĩ-độ degré de latitude, kinh-độ, degré de longitude. Đâu họ cũng tới được ; sa-mạc bao-la, khô-khan, thành cao, lũy sâu, tướng tài, quân đông, sơn lam chướng-khi : không có sức gì cản nổi họ hết, không có lời kêu gọi thống-thiết nào làm cho họ động lòng thương và nới tay được.

Ở Bắc Phi, cũng như ở các nước Ý, Pháp, Anh, Đức, ai nấy đều hoảng-hốt, lo-sợ, coi người Mông-cổ như một cái thảm-họa ghê-gớm, khủng-khiếp nhất từ thượng-cổ tới thế kỷ XIII : Giáo-hoàng Innocent IV, vua Saint Louis nước Pháp đều có sai sứ giao-hảo với người Mông-cổ. Trong hết các nhà thờ, các tín-đồ đạo Gia-tô cầu nguyện, mong tránh được nạn xâm-lăng.

Người Mông-cổ thực là một dân-tộc sống bằng chiến-tranh, vì chiến-tranh là sự phát triển tối-cao của tinh-thần chiến-đấu mạnh-mẽ phi thường của nòi-giống họ. Họ sống vì chiến-tranh : chỉ có chiến-tranh mới đem đến cho họ hết mọi thứ họ

muốn có, muốn được. Họ chỉ biết có một luật, luật của kẻ cầm đầu ; thế cho nên được lệnh là họ tiến, không biết nghĩa chữ « chết » là gì nữa. Họ không biết thương người. Họ lại biết tổ-chức và luyện-tập quân-đội, rất giàu mưu chước, tài đoán biết ý-dịnh và cách dụng binh của quân địch, điều-khiển và chuyển-vận quân binh rất khéo-léo, nhanh chóng, khiến cho quân địch thường không kịp trở tay,

Ta có thể ví người Mông-cổ như một bộ máy không-lỡ cực-kỳ tinh-xảo, vô cùng ác liệt, gặp dân tộc nào là đè bẹp. Riêng có dân-tộc Việt-Nam đã làm cho bộ máy đó bị tê-liệt, bởi một lẽ rất giản-dị là người Việt-Nam trước khi thắng người Mông-cổ đã hoàn-toàn thắng mình rồi. Những dân-tộc bị thua người Mông-cổ vì đã tự đánh bại mình ở trong rồi.

Ta thử cùng coi qua xem có phải thế không.

Trước sự xâm lược, dân Nga mạnh mà hóa yếu, vì đang sống dưới chế-độ phong-kiến, trong sự chia rẽ. Sự hỗn-loạn đã biến thành một chính sách. « Anh bảo với em rằng : cái này của tôi, cái kia cũng của tôi. Vì

những chuyện nhỏ mọn, các chúa tranh luận như những việc rất quan trọng. Tự tay họ, họ đã gây ra biết bao sự hằm khích » Những sự tranh giành lợi quyền là nguyên-nhân những cuộc chiến-tranh kéo dài, không ngớt nữa. Quân Mông-cổ tới. Các chúa vẫn chẳng chịu dẹp mối thù riêng, hoặc không giúp đỡ nhau, hoặc có giúp nhau thời lúc lâm chiến cũng hành-động mỗi người một ý. Sức có, tướng tài có, mà họ bị thua. Trận đầu, Mstislav, chúa đất Galitch, một młch xông xáo, quyết thắng một mình, thành uổng mạng và khiến toàn quân Nga lâm vào cảnh cùng khổ. Quân Mông-cổ thừa thế tiến tràn. Trận thứ hai, rồi trận thứ ba, quân Nga thua hoải... Chúa Iuri Igorévitch, đất Riazan, quận-công Gecrges và rất nhiều chúa khác tử-trận. Biết bao thành như Borissov, Glébov bị phá đốt hết, không còn một di-tích nào. Dân gian bị giết vô kể. Các thành lớn lần lượt bị mất : Riazan, Moscon, Vladimir, Tchernigov, Kiev đều vào tay quân Mông-cổ. Thành Kozelsk chống cự trong bảy tuần, thất-thủ khi người chiến-sĩ cuối cùng bị tên chết. Quân-sĩ anh dũng tận lực chiến-đấu, mà vẫn bị thất-bại, bởi các chúa đã không gây nổi sự thống-nhất trong việc chỉ-huy quân-đội.

Trong có mấy tháng (tháng chạp năm 1237 tới tháng năm 1238), bốn phần năm nước Nga bị chiếm Rồi trong mấy trăm năm (1237-1462), dưới quyền đô-hộ ác nghiệt, linh-hồn người dân Nga bị đè ép, đau nhức, thành ra khô-khan, nghèo nàn. Mãi tới thế-kỷ XVIII, ảnh-hưởng đau-dớn của cái tai-họa đó mới thực hết.

Vào đầu thế kỷ thứ XIII, đế-

quốc của người Hồi gọi là Khwarezm, gồm có Ba-Tur, Tienn Á Tê Á, miền Cận Đông. Trong đế-quốc bao la, rộng rãi đó, ngang từ Ấn-Độ tới Bagdad, dọc từ bờ Aeral tới vịnh Ba-Tur, quốc-vương Mohammed cùng các vương hầu, hiệp sĩ Hồi sống một đời cực kỳ hoa-lệ, dần dần đi vào vòng trụy-lạc, bạc-nhược. Bị quốc-vương khích ép, giáo chủ Hồi giáo liền mật căn cứ Thành-cát Tur-bân, Người Mông-Cổ có cơ tiến vào Ba-Tur, đánh tan đội quân bốn mươi vạn người của Mohammed, đốt phá không biết bao nhiêu thành quách. Mohammed bị đuổi riết, lao-đao cùng-cực, rút cục chết vì lo buồn, kiệt sức trên một đảo ở bờ Caspienne. Đế-quốc đạo Hồi tưởng chừng ngày còn bành-trướng mãi, vụt chốc bị tan vỡ, và cũng không ngày nào còn lấy lại sự hưng-thịnh đã mất.

Dân Hung (Hongrie) không may mắn hơn. Thấy giáo-hoàng La-Mã càng ngày càng lấn hiếp quyền-chính trong nước Hung, lại thêm có những vương hầu nổi lên, chiếm cứ mỗi người một vùng, lòng ái - quốc của người Hung nổi dậy và tìm được phương-kế cứu vãn tình-thế, thống nhất quốc gia. Năm 1222, hiến-pháp ban hành, nước Hung thành một nước quân - chủ lập-hiến như nước Anh. Nhưng nền chính-trị vừa mới lập chưa được vững vàng, thời người Mông - cổ lần tới như một trận cuồng phong dữ dội.

Vua Bela IV tử trận năm 1241, ở Sesth. Quân đội Hung thất trận, dân gian bị giết đầy đường. Cuộc xâm-lăng như phá hoại hết : đó là một mối nhục lớn, một phen thất-bại chưa cay, nhưng cũng vì đó mà một cuộc trù-hung, và cải-tạo mãnh-liệt khởi đầu.

Dân Hung can-đảm gây - dựng lại quốc-gia bị lung lay, nghèo yếu sau cơn nguy-biến.

Suốt trong thế-kỷ XIII nước Ba-Lan chia ra làm nhiều miền, mỗi miền có một chúa xưng hùng. Các miền đó có hợp lại thành hai miền to : Đại Ba-Lan và tiểu Ba-Lan, nhưng thực ra vẫn không có thống-nhất gì hết. Các chúa vẫn hoàn-toàn tự-do, cai trị đất cát của mình theo ý riêng. Đại Ba-Lan và tiểu Ba-Lan thay phiên nhau tranh cướp quyền thống-trị cả nước.

Tình thế dân Ba-Lan vô cùng rối loạn, khi quân Mông-cổ ăm ăm kéo tới vào năm 1241. Breslan, Cracovie bị chiếm. Boleslaw, chúa một miền rộng nhất, bỏ mạng nơi chiến trường, như nhiều chúa khác, vì họ không cùng nhau hiệp-lực để cùng đánh kẻ thù.

Quân Mông-cổ kéo đi. Nước Ba-Lan bị chia ra làm nhiều miền nhỏ thêm. Số các chúa tăng lên. Dân gian sống trong cảnh lầm-than, cực khổ. Mãi tới cuối thế-kỷ thứ XIII, Przemyslaw II, chúa toàn đất Đại-Ba-Lan, mới thu phục được lòng hết các chúa khác, và lên ngôi vua năm 1295. Từ đó, mới có một tinh - thần thống-nhất.

Trong thế-kỷ XII, ở Trung-Hoa, vua nhà Tống yên vui những ngày vô cùng mỹ-lệ. Cuộc đời đó là nguồn gốc của sự suy-yếu và bại-vọng. Năm 1211, quân Mông Cổ vượt qua Vạn-lý trường thành như không, vì đã có người bị mua chuộc mở một cổng lớn mời họ đi. Họ hạ hết thành nọ đến thành kia, họ uy-hiếp kinh đô phía bắc.

Vua nhà Tống bỏ chạy về phương nam, lấy Hàng châu làm kinh-đô mới, để cho một nhóm trung thần lo liệu việc kháng

cự quân địch. Khi chạy, vua đi cùng một cung phi yếu-khỏe, điếm-lệ. Một người dân trông thấy đau lòng nói rằng : « Kẻ có tội lỗi đã đi trước những người trung liệt, trí thức mất rồi (vì vua đi trước, mà các nhà đại nho, bác học lẽo đẽo theo sau) ! Thế là xong ! » Mà thực là hết : thành trì kiên cố không thể cứu chữa được sự suy - nhược của tinh - thần, quân sĩ đông đúc không thể bồi-đắp được sự sao nhãng, thiếu - thốn trong việc-thao luyện hàng ngày. .

Năm 1214, quân Mông - cổ lại kéo đến. Những trận đánh Trung-hoa, giết nhà Tống cứ kế - tiếp mãi. Cơ nghiệp hùng-vĩ, lớn lao của nhà Tống tan tành ; từ năm 1280, nghiệp nhà Nguyên bắt đầu.

Tóm lại, các dân-tộc Ba-Lan, Hung, Hồi, Nga, Trung-Hoa đều bị người Mông-cổ khuất - phục một cách dễ-dàng, tôi nhắc lại. Vì sao ? Có nhiều lẽ, mà hai lẽ chính là trong mỗi dân tộc đó, sự chia rẽ đã thắng sự hiệp-nhất, lợi riêng đã được trọng hơn lợi quyền của cả nòi giống. Sự thất bại đau cay đã thấy rõ ràng.

Trái lại, người Mông-Cổ chỉ biết có một lòng nghe theo một vị chúa tể. Thành cát-tur-Hãn, khi nhắm mắt, căn dặn các hoàng-tử : « Các con hãy giữ sao cho không có cuộc cãi-lộn nào, một điều hiềm-khích, thù-hằn nhau sẽ có thể xảy ra được giữa các con. Nếu không, đế-quốc sẽ tiêu nát, mà các con cũng sẽ không còn. Tất cả sẽ mất, sẽ tiêu-diệt ». Lời dạy bảo đó được tuân theo. Lệnh của hoàng - đế ban ra, từ vua chúa, vương hầu cho đến quân dân, ai nấy đều cúi đầu nhận và thi-hành. Của cải ở trên đời đều là của Hoàng-đế, không của riêng ai. Vì hai lẽ đó, Hốt-

tất Liệt giữ vững và làm rộng thêm đế-quốc Mông-cổ, đến nỗi có thể tự hào coi mình là Hoàng-đế của cả nhân - loại. Sự thừa thắng ở đây cũng rõ ràng.

Người Mông-Cổ chỉ thấy công-cuộc chinh-phục lớn lao không thành-công trong hai lần : trước nước Nhật-Bản, rồi nước Việt-Nam. Lần đầu họ đánh Nhật Bản, chiến thuyền của họ bị đắm mất nhiều, nên họ phải rút về Trung-Hoa. Lần thứ hai, họ sắp sang đánh lại hoãn lại để đủ quân đưa sang trả thù người Việt-Nam. Thoát-Hoan bị bại lần thứ nhất quyết không quên nhục. Giữa hai nước, chưa có những trận đại chiến rùng-rợn ; vậy ta không thể bình phẩm được lực

Có một điều chắc chắn là họ đã hoàn toàn thất bại trong ba lần định xâm chiếm đất Việt Nam. Năm 1257, dưới triều vua Trần Thái-Tôn, Ngột-Lương Hợp thái (Wonleangotai) đem quân Mông-cổ tự Vân-Nam tràn sang bị Trần-quốc-Tuấn đánh đuổi về. Từ tháng chạp năm Giáp - thân 1284 đến tháng sáu năm Ất-dậu 1285, Trần Hưng-Đạo đại vương và các thượng tướng Việt Nam đánh tan năm mươi vạn quân của Thoát Hoan. Quân Việt Nam đại thắng ở những trận Ham-tử-quan, Chương-dương-dộ, Tây-kết, Vạn-kiếp. Tháng hai năm Đinh - hợi, 1287, Thoát - Hoan mang hùng binh sang quyết rửa mối căm thù. Quân Việt-nam lại đại thắng ở Vạn Đồn, ở Vạn Kiếp. Thoát Hoan đánh cam ực cùng một nhóm tàn quân chạy trốn về Trung Hoa.

Vì những cơ gì mà người Việt Nam đã thắng người Mông Cổ ? Cơ bốn cơ tóm kết trong một lẽ tối cao « thắng bằng mình, rồi tự nhiên thắng người ».

Người Việt Nam đã thắng vì

sự hiệp nhất của cả dân tộc không một khe hở, và đã kết tụ lại ở như một người — Trần Hưng Đạo đại vương. Ba lần Mông cổ sang đánh, quân Việt Nam lúc đầu đều bị điều đứng, tướng sĩ lao đao, giang sơn ngang ngửa, nhưng Trần Quốc Tuấn vững lòng, bền chí, thành cả dân tộc cùng nuôi và nung nấu một quyết định. Hết thấy không quân mọi sự hy sinh để giữ lấy giang sơn. Một điều rất đặc biệt : các vương hầu được phép vua cho mộ tập quân lính, quyền hành thực lớn, thái ấp vua ban to rộng. Cai họa diệt vong ngấm ngấm hại các dân tộc khác ở đây không thể có được. Không một lúc nào, các vương hầu nghĩ tới lợi riêng, tìm cách chiếm đoạt lợi quyền của nhau, gây mầm nổi loạn trong nước. Trái lại, các vương hầu cùng đem của cải, sức lực, tài trí và sinh mệnh ra phụng sự quốc gia. Chính các vương hầu đã lập nên những chiến công oanh liệt đã kể trên.

Người Việt Nam đã thắng vì có một nền tảng quốc gia chắc chắn, một sự tổ chức chính trị và hành chính vững vàng, hoàn thiện. Trưng nữ Vương, Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, Lý Thái Tổ... cùng với các trung thần danh tướng, trải bao nỗi khó khăn của mười hai thế kỷ, đã tạo nên một nước văn minh, cường mạnh, một dân tộc hùng tráng, có một văn hóa rất giàu có, rộng rãi sâu xa. Ngoài khoa thi tam trường đã có từ đời nhà Lý, nhà Trần đặt khoa thi Thái học sinh, khoa thi tam giáo : Nho Thích, Lão, đặt ra tam khôi, lập Quốc học viện để giảng nho học, giảng võ đường để lấy nơi luyện các danh tướng. Ta thấy rõ rằng thân thể, trí lực người dân trong nước được nuôi dưỡng và nâng

cao đến tuyệt đích, để nước sẵn có người hiền, sẵn có thượng tướng dũng trí, mưu lược.

Thế cho nên vua là biểu hiệu thiêng liêng của quốc gia, được toàn dân kính yêu, các quan văn võ hết lòng phò tá. Ai cũng đều nhận rõ bổn phận của mình đối với vua, với nước.

Việc hành-chính trong nước tổ-chức một cách chu đáo. Người cầm đầu dân trong những lộ, những xã là những người trung trực, giỏi tài cai-trị, thấu rõ hai chữ nhân, nghĩa. Cái hại quyền vị những nhiều dân gian tuyệt nhiên không có ; sự rối loạn không này được một mầm nhỏ. Trật-tự và yên ổn thực là có, vì quan và dân cùng hợp lực gây lên, cùng thành-thực quyết phải có. Như thế, mỗi người mới có thể hưởng được cái vui làm trọn bổn-phận đối với vua, với tổ-quốc.

Người Mông-cô đã thất bại vì toàn dân Việt-nam cảm thấy rõ ràng đất nước hùng-vĩ do bao lớp người đã gây dựng lên với máu đào phải giữ cho toàn vẹn. Bài hịch của Trần Hưng - Đạo Đại-vương truyền ra để kết thu hết năng-lực, hết sức phản-động của nòi giống, một âm vang mãnh liệt nổi dậy trong toàn quốc. Bởi thế không những người Mông-cô, mà cả người Chiêm-thành (năm 1252), người Lào (năm 1290) không thể nào xâm phạm tới bờ cõi Việt-nam mà không thiệt hại lớn.

Được như thế, vì toàn dân Việt-nam, trong trật-tự và kỷ-luật, cùng nhau cố gắng làm việc. Các trai tráng đều ra tòng quân, hàng ngày thao luyện võ lực, phòng nạn ngoại xâm. Lực-lượng trong nước sức tích lại, rất dồi dào, sung túc. Khi nước lâm nguy, dân gian không tiếc gì hết, đem tài-sản và sinh-mệnh ra để vua và các thượng tướng tổ - chức cuộc kháng chiến. Trần Hưng - Đạo Đại - vương xin vua Trần

Nhân - Tôn đánh mà không hòa, các bộ lão thay mặt dân cũng đều xin đánh, không chịu khuất phục quân cường bạo. Lực có, tài có, sao thể hòa cho được, bởi hòa rất nhiều khi có nghĩa là thua, là hàng quân địch. Người ta không phải nhìn một cái thảm trạng có ở nhiều dân tộc ; ở trên đất Việt-nam, cần lao thẳng hần lười biếng và phóng túng. Ai nấy đều trông xa, sống rộng, đều quyết thẳng hết mọi trở lực cho sức sống và bành trướng của nòi giống mình.

Người Việt-nam thẳng, vì đã có nhiều sáng kiến, nhiều ý tưởng rất táo bạo, khiến cho công cuộc gây lực-lượng chiến-đấu của quốc-gia có kết quả mỹ mãn.

Tất cả các trai tráng trong nước đều phải ra tòng quân. Chính sách cưỡng bách tòng quân bắt đầu có ở đời nhà Trần. Trong khi mà biết bao nhiêu nước ở thế kỷ thứ XIII cho tới thế-kỷ thứ XIX, ở Âu và Á, còn phải thuê mướn người nước khác để tự vệ hay lấn áp lẫn nhau, người Việt-nam đã tìm thấy cách bảo-vệ lấy giang sơn vừa hiệu nghiệm, vừa công bằng. Khi người Mông-cô ào ào kéo tới, hai mươi vạn chiến-sĩ Việt-nam có thao-luyện, tổ-chức hần hoi, lại thêm lòng ái-quốc rất mạnh, sẵn sàng cự chiến, và ba lần đều toàn thắng. Vua Trần Nhân-Tôn hỏi các bộ lão nên đánh hay nên hòa. Chỉ đó thực có lần đầu tiên trong nhân loại Á-đông. Thường ở các nước quân-chủ, vua bàn việc nước với các vị thượng - thư, nguyên-soái, hãy quyết đoán một mình, định đoạt một mình số phận của quốc-gia. Chỉ chỉ đó khiến cho toàn dân biết bao cảm kích, Thế cho nên cái nạn có thể thành một thảm-họa diệt vong đã là một dịp cho nòi giống Việt-nam rõ sức sống và sức bành trướng của mình, ngày một

mạnh bước trên đường tiến hóa. Dân tộc Việt-nam đã tỏ ra đủ hơi sức, năng lực, tài trí để dự vào cuộc sống chung của cả nhân loại.

Trong một bầu không khí thiêng - liêng, trong sạch của lòng ái quốc, người Việt-nam hăng-hái và siêng-năng làm việc, thao luyện văn võ. Tự nhiên, người Việt-nam đã đi tới sự toàn thắng. Rồi lúc đó : « ... dần không vui vẻ, cũng tự khắc được vui vẻ ». Lúc đó là lúc nước còn.

Nhắc lại hai giòng chữ :

«... dần muốn vui vẻ, phỏng có được không »,

«... dần không vui vẻ, cũng tự khắc được vui vẻ »,

chúng ta cảm thấy rằng đức Trần Hưng-Đạo đã nói một lời đúng cho hết mọi dân-tộc, mọi quốc-gia, trong hết các thời-dại.

Trước cuộc xâm-lăng hung-tàn của người Mông-cô, riêng mọi oan-tộc Việt-Nam đã biết sống một cách khắc khổ, đường-bộ, đã không trốn-tránh, trái lại đã đi tới trước, đã vui-vẻ, đường-hoàng nhận lấy hết các điều-kiện ác-liệt của cuộc đời.

..

Ngày hai mươi tháng tám ta ngày người Việt-Nam đã ghi được những trang Quốc-sử oanh liệt. Chúng ta hãy cùng ngẫm-nghĩ lễ tối-cao đã giúp dân-tộc ta thắng người Mông-cô ấy...

DƯƠNG-ĐỨC-HIỀN

Năm ngoái, bản chí có soạn một số đặc-san về đức Trần-Hưng-Đạo, trong có nhiều bài khảo-cứu rất công-phu. Hiện còn giữ lại được một ít. Bạn nào muốn có số đặc-san ấy, xin cứ gửi mua tại nhà báo bằng 0 p 24 tiền tem.

TRÍ-TÂN

Mấy nơi danh-thắng có quan hệ với Trần sử

Núi Yên-phụ và động Kinh-chủ,
nơi đền thờ đức An-sinh-vương

TRẦN-LIỆU và nơi đọc sách
của cụ PHẠM SƯ-MẠNH...

Du-ký của NGUYỄN ĐAN-TÂM

KHÁCH DU ngồi trên xe-lửa
đường Hà-nội-Hải-phòng,
đến qua ga Hải-dương,
thường trông thấy, về bên trái,
một dãy núi màu tím-tím che lấp
chân trời.

Dãy núi này có một ngọn cao
nhất là núi Yên-phụ. Trên ấy có
đền thờ An-sinh-vương Lếu, thân
sinh ra đức Trần Hưng-Đạo, cho
nên khi trong lòng châu Lú, ta thấy
trong bóng cây xanh mờ thấp-
thoảng có ảnh tượng trắng.

Muốn về đây, ta phải đi bộ qua
Lai-khe rồi đi xe ta đến bến ở
Mê-chương và cây số từ đó May
trở vào tầu à qua ga Hải-dương,
có lối đi bộ đến ga Hải-dương,
chân núi là một cái eo tục gọi
là đèo Ngà Bê. Lèo to một giờ
suốt bãi tuyết đẹp, nơi đây rừng
của núi rừng có ga sơn-tuột về mùa
hạ. Cho nên có câu:

« Người xấu như ma,

« Lắm nước suối Ngà thì đẹp bằng
tiền ».

Nhà in

TRI-TÂN

Nhận in đủ các việc

70 Bach-mai - Hanoi số 3

Đi gần đến chân núi Yên-phụ, ta
nhìn lên sẽ không thấy ngôi đền
nữa vì chỗ núi đã che khuất.
Phải đi vòng quanh một trái đồi
thấp rồi qua đèo Than mới tới nơi.

Lên đèo Than là một sự
khó-nhọc. Thế mà hằng năm, cứ
ngày mồng một tháng tư là ngày
giỗ đức vương, nam thanh nữ tú lên
đăng hương trên « Đền Cao » rợp
cả sườn núi.

Tôi lên vắng cảnh vào một ngày
cuối tháng năm.

Trời đã gần trưa mà vẫn không
có nắng. Tươi được may-mắn
lấp lờ một giờ rồi lại mờ mờ lên
đến lều Than thì trời mưa! Những
hạt mưa bay lả-lả, không to lắm
nhưng cũng đủ ướt áo và chẳng
màu sắc khi đi cả những đồng
ruộng bao la dưới chân núi.

Lên đến chùa thì trời vừa tạnh,
trông xuống chân xa thẳm những
đám mây trắng bay lững-lờ, từng
từng mảng, để lộ những mảnh
ruộng mạ non, những khóm cây
xanh thẫm, một vài mái ngói đình
vạch những vết đỏ ở nơi xa...

Vào trong sân, một nền núi xanh
phải đi trèo qua những bậc
đá lớn, chen dưới một bụi trúc và
mấy cây cao. Bên cạnh sân chùa
là mấy gian nhà lợp rạ.

Tôi cúi chào một người đang
ngồi đăm đăm tìm thức cỏ một
mình trong một căn phòng nhỏ
hẹp và hơi ẩm ướt. Cụ trụ trì.
Người trả lời ở đây chỉ có thủ-

tự và chính người trông nom ngôi
chùa này. Thảo nào tôi thấy ngoài
sân có mấy con gà con đang đuổi
nhau, một cảnh giang sơn biệt lập
mà như một gia đình ở thôn dân.
Lạ hơn nữa là ở trên ngọn
núi ngay trước sân chùa, bên cạnh
cái miếu con, có hai cái hồ, một
trong, một đục, thiên tạo ở liền
với nhau, chỉ cách nhau một cái
bờ nhỏ. Trên bờ hoa đại rụng
xuống trắng xóa, đẹp như một
trận mưa tuyết ở trong tranh vẽ
ngang cảnh vẫn có những đám
mây vương lẩn-vẩn.

Tôi xin phép lên lễ chùa.

Chùa xây thấp nền đá, kiến-trúc
ra kiểu một nhà khách hơn là một
am thiền. Trong có tượng phật
son son như các nơi. Trên cửa
đề ba chữ lớn: « Tường-vân tự ».

Trên cao mới là đền thờ An-
sinh-vương. Đền ở mé bên phải
và ở ngọn núi. Muốn lên, phải trèo
qua mười bậc đá, đi lên chân
những gốc hoa đá lớn và những
khóm chè mảnh dẻ, lá thưa.

Đứng trước tam-gian, trông
xuống, thực là một cảnh giang sơn
hàng vĩ. Ông Từ chỉ cho tôi xem
dãy núi Hạ-chiều và quả núi Dương-
nhâm có đền Kinh-chủ rải-rải
đặt trên cánh đồng, trông xa như
những hòn non bộ bằng đá xanh.
Đây là nơi quân ta đã đóng để
đánh đuổi quân Minh và cũng là
nơi chiếm cứ xung hàng của đoàn

quần Đốc-Tít chưa quá một trăm năm.

Nhưng rõ-rệt hơn hết — vì có ánh mặt trời hắt sáng — là giếng nước quanh-co nhiều trăn trỉ; giếng thượng-lưu của con sông Bạch-đăng thông-thả chảy.

Cảnh nên thơ bất giác động lòng du-khách, khiến người nhớ lại những chiến-công rực rỡ khi xưa của Ngô - vương Quyền và Trần hưng-Đạo. Tôi đọc thắm hai câu thơ của Phạm sư Mạnh :

« Hung-hung Bạch đăng đào,

« Tướng tượng Ngô vương thuyền. »

Bạch Đăng sóng vỗ nào nào,

Thuyền vua Ngô nhớ dịp chèo năm xưa..

Trông lại cửa đền : lại những bậc đá cao, một tòa cổ miếu, một cái sân đá xanh phẳng ở lưng trời. Ở hai bên là hai dãy hành lang nhỏ. Giữa sân là một cái lò đốt hương, bên cạnh một bức bình-phong xây gạch có đắp hình lân-phượng hai mặt.

Trên cửa đền trong khung gỗ ở giữa khắc ba chữ «Lân-phượng các», một bên bốn chữ : «Long-đức chính trung» và một bên «Đông - châu danh-thắng».

Vào trong có hai đôi câu đối sơn son thếp vàng. Một đôi là :

Phụ-linh giáng thần, lẫm liệt càn khôn chính khí ;

Đông-a dực vận, huy-hoàng sử sách lưu danh (1)

Và một đôi :

Phụ-linh văn trung, Trần khai thánh An sinh vương, linh thanh truyển cổ-miếu ;

Đào nguyên động thượng, Lạc-long quân bảo noãn tử. bình thế hợp tân-xuân (2)

Đền nhỏ hẹp, xây thấp nhưng vững trãi. Tượng đức vương thờ ở trong cùng cung cấm, ngoài có cửa võng, chấn xong che kín ít ai được vào.

Tôi xem xong, trở ra, thì lễ và hỏi đường xuống núi vì còn phải sang Dương - nham thăm đền Kính chủ, đặt trên hòn Thạch-môn-sơn ở hữu-ngạn thượng lưu sông Bạch-đăng.

Đứng bên cái hồ xây đầy nước mưa trong vắt, ở cạnh tam quan, ông Thủ-từ chỉ cho tôi lối hạ sơn và dẫn dò :

— Ông cứ theo con đường hươu chạy, xuống đến gần dưới chân núi hễ có cái giếng nhỏ kê đá chung quanh thì rẽ sang bên trái. Ông đừng đi thẳng sẽ leo nhầm sang ngọn núi khác thì không bao giờ đến nơi

Tôi vâng lời, chào rồi đi xuống.

Lối đi bên sườn núi này đẹp hơn: những hoa dại màu tím nở đầy bên kê đá. Thỉnh thoảng lại gặp một bụi hoa mẫu-đơn, có màu đỏ thắm, có màu vàng tươi, có những cây còn nhỏ chưa cao quá gang tay mà chùm hoa đã đầy đặn như một đĩa xôi gấc.

Càng xuống đến chân núi, mây càng thưa dần vì những ngọn gió ở đâu dồn lại nâng tất cả những đám

khói nước ấy lên che đầu núi cả rồi.

Cái giếng nước mà ông Từ dẫn tôi lúc trước bây giờ đã hiện ra như một cái vòng ngọc-thạch bỏ rơi bên sườn núi.

Từ cái giếng tròn có bờ đá xanh xây cao này, tôi đi vòng qua đồng lúa làng Dương-nham. Bờ ruộng ở đây đặc biệt hơn các nơi khác vì nó không trơn, không lầy lội những đất thịt mà phần nhiều là đất núi màu đỏ và xốp, không đọng nước.

Sang đến đường cái quan có rải đá là con đường lớn, khô-ráo, chạy từ bến Triều qua đây về đến tận phủ lý. Kính-môn ở Yên lưu và vòng ra đường ga Phú-thái. Vì vậy các ban đi thăm riêng Kính chủ có thể xuống thẳng ga Phú-thái tiện hơn.

Chùa thuộc về làng Dương-nham. Ở đường cái vào làng, đi qua chợ thì vừa đến cổng chùa. Ở trên cổng chùa có gác chuông vẽ tượng Vũ-đế và một vị Hòa-thượng. Bên trong và bên ngoài cổng có hai đôi câu đối nôm, viết bằng quốc - ngữ lối chữ triện do sự cụ ở đây đặt ra như sau này :

1. Giỏ gác lan chuồng kèn khua
lĩnh mộng trần người tày lạy,

Thang mây thềm cửa động mở
đường giác ngộ khách nam vô.

2. Tiếng nhặng còn khuya, hoa
cỏ chữa hay then ngổ, đống ;

Đốc rồng khi tỏ, non sông mới
biết cửa vương, tròn.

Nếu không có cây cỏ và từng núi đằng sau làm «phông» thì cái công trình kiến-trúc ấy có vẻ tân - tạo tầm thường.

quyền đầu tiên trong «Tủ sách đẹp» của nhà xuất bản TÂN-VIỆT

VÀNG SAO

Tập văn xuôi đầu tiên của thi sĩ CHẾ LAN VIÊN

In toàn trên giấy vergé bouffant giá đặc biệt 2 p. 50

Có in riêng làm 10 bản lựa đó giá 8 p. 00 mỗi bản và 2 bản giấy impérial d'Annam à la cuve giá 30 p. 00 mỗi bản.

Nhà xuất bản Tân-Việt 49 Takou - Hanoi

Còn một ít

Trong 99 Chóp núi

(Định nhật Thận với Thu	
dạ lữ hoài ngâm giá	1 p 00
Đời văn quyền II của	
Trần-thanh-Mại giá	0 95
Thanh niên trước thế	
giới mới giá	0 45
Thế giới mới giá	0 45
Một ngày của Tolstoi	
giá	0 50
Phê bình văn học, giá	0 95
Nghệ thuật làm việc, giá	0 50

Sau gác chuông là chùa ngoài ở dưới chân núi, nơi trà-thất và chỗ các sư trụ trì.

Đi hết một cái sân dài lát đá, có bóng cây, mới đến cầu thang lên động. Có tất cả 64 bậc đá phẳng-phiu. Lên đến nơi là một cái sân nhỏ có ngựa đá, có thạch-bàn rồi qua nhà đại-bái ngả làm ba gian, vào một cái sân nhỏ nữa mới đến động.

Chùa chia làm ba nơi. Ở giữa là tam bảo thờ Phật, có tượng Hộ-pháp đứng hai bên. Phía tay phải là cung thờ vua Lý Nhân-Tôn (tục truyền là hậu-thân của Từ Đạo-Hạnh) có biển đề « Đại Lý Hoàng-đế » và một đôi câu đối rằng :

*Không sắc chứng tiền nhân, Nam-quốc thuyền-sư Tây-chúc phật ;
Anh-linh trường thử địa, liên hoa thánh chúa Thạch-môn sơn (3)*

Phía tay trái mới chính là động. Ngay trên cửa động có bài thơ thất ngôn trường thiên ngự đề của vua Lê Thánh-Tôn khắc vào đá đã mấy trăm năm, nét chữ còn rõ ràng. Vua Lê Thánh-Tôn là một vị đế-vương chuộng văn thơ, làm chủ « Tao-đan nhị thập bát tú ». Ngài lại có cái đặc điểm là ưa viết quốc văn. Bài thơ này nhân ngài đi duyệt quân qua đây cảm hứng mà có :

*Thạch môn sơn thượng đáng
lâm xứ :*

*Hư thất, cao song khai bạch trứ,
Cự thạch hàm-nha thổ phạm
cung,*

*Ta-nga quái thạch, cao đồ thụ.
Giang thủy đạm ư tăng nhân
bích,*

*Hải sơn nùng tự phật đầu thanh,
Quyện diên hữu tình y mặt điệp,
Nhân văn vô ý lạc không đình.*

LÊ THÁNH-TÔN

DỊCH

*Đứng-lâm chơi núi Thạch-môn !
Cửa cao, nhà trống, mở loang ban
ngày.*

*Hà mồm, núi nhỏ am mây !
Đá già lởm-chồm xen cây cao,
lân...*

Nước sông hiểo kém thất sự,

*Biển non xanh đậm xanh như phật
dầu.*

Chim bay mỗi cánh về đâu ?

Cổ tình nấp chỗ cành mau, lá dầy.

Hững-hờ kia mấy đóa mây

*Xa-xa như muốn rụng đầy sân
không !*

— (Bản dịch của HOA-BẮNG)

Vào trong động có tượng thờ Thập-diện, cảnh âm-phủ và Diêm-vương, sơn xanh, đỏ và đắp xát vào vách đá. Ở giữa động có ban thờ và ngai thờ đức Khổng-Tử. Rẽ về bên cạnh có lối hẻm đi vào, có ánh mặt trời lọt xuống và một cái suối con như hình giếng đầy nước trong, lạnh giá.

Trông trên vách đá còn mấy chữ ; « Văn-thạch thư-thất — Phạm Sư Mạnh thư » khắc bằng lối chữ lệ của cụ Phạm Sư-Mạnh, một danh-nhân đời Trần. H.ệu Ủy-Trai, cụ người làng Dương-nham, huyện Hiệp-sơn (nay là phủ Kinh-môn). Cụ đỗ tiến-sĩ làm đến chức Hữu-tướng.

Bàn thờ cụ ở gian ngoài cửa động, sơ sài chỉ có một cái bệ đá, hai cây đèn nền bằng đá, một cái lư hương bằng đá. Tôi bất giác nghĩ đến thuở sinh bình của cụ mà ngậm-ngùi trông tấm bài vị cũng bằng đá, không vàng son, khắc một dòng chữ triện giản dị, từ trên xuống dưới :

*« Trần tr.ền tiến-sĩ hữu - tướng
Dương nham Phạm tướng-công tự
Sư-Mạnh tiến-sinh linh vị tiến (4).*

Nơi đây, thuở còn là học trò, cụ lấy làm phòng đọc sách, làm nơi dùi mài kinh sử và đã viết nên tập thơ « Hiệp thạch tập », Từ việc văn mặc trong triều chính đến việc ngoại-giao chính-trị ở ngoài, cụ lên đến chức Tể-tướng dưới đời vua Giu-Tôn nhà Trần (1341-1369) và có trách-nhiệm cả việc nước, việc quân.

Khi cụ làm chức Hành-khiển, nhân một buổi phụng chiếu ra điếm duyệt ngũ lộ quân để sửa sang chính sách phòng bị chốn biên-thủy, khi qua núi Dương-nham, lòng hừng hực phát ra thơ. Ta hãy đọc bài thơ ấy sau đây theo

thể trường thiên ngũ ngôn đã vạch lên đá do bút tích của cụ :

Hành dịch, đăng ga sơn,

Kiều thủ vạn trùng thiên,

Đồ bằng nam-minh ngoại,

Tân nhật đông-nhạc tiên,

Yên-phụ th'ên nhất áe,

Tượng-dầu nhận cửu thiên,

Tầng tầng Từ-tiêu vân,

Hội phóng An-kỳ tiên.

Hung-hung Bạch-dăng đảo,

*Tướng - tượng Ngô - vương
thuyền.*

PHẠM SƯ-MẠNH

DỊCH

Dayét bình, lên núi nhá chơi,

*Nghền đầu : muốn đọi, kia, trời
mênh-mang !*

Chim bằng bay lít biển Nam,

*Chùa vùng nhát, trái đông-nham
đưng nhin...*

Yên-sơn, trời thấp, muốn vin ;

*Núi Đầu-voi vút chín nghìn nhận
kiến.*

Tầng-tầng mây phủ Từ-tiêu,

*Tiên Kỳ sinh, biết tìm theo chốn
nào ?*

Bạch-dăng âm nổi sóng đảo,

*Tướng thuyền Ngô-chúa đảo-dào
đang bơi !*

— (Bản dịch của HOA-BẮNG)

Xem đây thi cụ Phạm Sư-Mạnh thực xứng đáng làm chủ nhân cái động này. Cụ đã lưu lại cho Thạch-môn-sơn cái giá-trị về lịch-sử và ta hiểu rằng khi thi ông sống núi nơi đây đã đào tạo nên một vị anh-hùng tài kiêm văn võ cho nước Nam ở cái đời Trần cực thịnh và danh-nhân rất đặc chí xưa. Không những đường công danh, sự-nghiệp của cụ lớn lao mà thôi, cụ còn là một người đại đức. Cụ học nho, tin-nguỡng học thuyết của thầy Mạnh, nên đặt tên mình là Sư-Mạnh nghĩa là « bắt chước thầy Mạnh ». Nhân cái tên ấy, khi sang sứ Tàu, người Tàu bắt cụ am-lã đủ 7 thiên trong sách Mạnh-Tử, cụ viết không sai một chữ mà nét chữ lại y như sách Tàu, người Tàu đều lấy làm lạ.

Cụ thực xứng đáng là học trò cụ xử-sĩ Chu Văn-Trình ! Khi hầu thầy, cụ thường đứng dưới thềm chấp

Xem tiếp trang 16

HUNG - ĐẠO...

Kịch lịch-sử : Ba hồi.

CÁC VAI: Nhân tôn; Hưng-đạo-vương; Nguyễn
khoái; Yết-kliêu; Dã-tượng;
Các tướng; Quân-sĩ.

HỒI THỨ I

TRIỀU ĐÌNH

Các quan vào trước Vua và Thị-vệ cào sau
N ân-tôn — Chư khanh bình thần
Chư khanh hỡi! nước non buồn m n mác.
Khắp nơi sông nước vạn bức sầu treo
Ngậm than! sầu buồn quá h quẽ có lúc.
Thương dân chúng chịu bao điều lao khổ
Trước thế gác quá nhân đây không nỡ.
Dẫn lòng trở g muốn họ phải làm than,
Nên muốn thuyền treo bên dưng cờ hang,
Lời nói đó phải chăng A-chư-tướng?
Một tướng — Kẻ hạ-thần cúi đầu mong Thánh-
thượng
Thọ ngàn năm cùng độ-lượng hải-hà.
Muốn tâu bệ-hạ.

Biết sự người rồi xẻ kỹ sức ta,
Trăm trận đánh ắt la trăm trận thắng.
Nay bình Nguyễn quân đông dai muốn dậm
Tướng ta nhieu, khi mạnh ắt sao Ngưu;
Con quạ ta tuy cũng cá, đa mưu.
Nhưng phó g được bao nhieu mà dám dọ?
Xin bệ hạ vì lòng thương trăm họ
Mà tạm hang cho khỏi khổ muốn dân.

Hưng Đạo — Xin bệ hạ đại xa kẻ ngu thần
Run sợ cúi đầu phần trần mọi lễ;
Thanh-hoàng vốn lòng trời lượng bề.
Thương dân đen như con đỏ sơ-sinh.
Nhưng cũng nên hồi tưởng tới thanh danh
Của non nước trong sử xanh truyền lại.
Sông Bạch-dăng còn vang reo mãi mãi
Tiếng anh-hùng Ngô-chúa bài Hán-binh;
Chi-lăng thanh còn sức nước phương danh,
Lê-Hoàn phá tan tàn quân rợ Tống.
Ngậm 1đ-quốc với núi cao sóng rộng,
Hỏi ai không rung động tấm trung can?
Có lẽ đầu trước giặc Thát hung tàn
Đã vội lấy giang-san làm lễ hiến?

Nhân Tôn — Trẫm cũng muốn như Đại-vương
kháng chiến,

Cho nghìn sau khỏi thẹn với cao xanh,
Nhưng...

Một tướng khác. — Xin bệ hạ thôi đừng hành-
chiến nữa,

Cho có hồn vạn thuở chịu đau thương.
Hãy dẫn lòng, người nhiệt-khí phương cương

SÔNG BẠCH-ĐĂNG

Tác giả giữ bản-quyền

(MẠNH)

Âm nhạc của LƯU HỮU-PHƯỚC
Bài ca của MAI VĂN-BỘ và NGUYỄN THÀNH-NGUYỄN

Đáy, Bạch-dăng giang, sông hùng-dũng của núi giống Tiên Rồng, giống Lạc-Hồng, giống anh
(NHANH)
Nam Bạc Tru g. I - Iren hơi xanh, muôn sã: đua chèo bong o, Dưới
đáy giòng nước, ánh sáng vồn-vơ, nhấp-nhò; Hàng cây cao soi bóng, gió
uon muon gan lau, hion ai đang phảng-phất trong g.o, cảm xét bao!
May nước tu eug-neug con gũ chếp rầu - Iren lệt - oanh của bao người
xưa trung - chánh, vì yêu quốc-gia, vui lòng hiếu tnan, Liễu mi lan ra
(NHANH VÀ HÙNG)
tay, tuốt gươm bao lần Đ K. Gòng nước trắng xóa dưới trời quang
dăng, Từ xưa nêu cao tấm gương anh - hùng; Dù có sấm sét bão
bùng mưa nắng, Đẳng-giang vẫn sáng, để cho núi giống soi chung

II Trên giòng sông, muôn bóng gợn trong trí ta
Bết mấy thành tích, biết mấy gắng-công thiết tha
Kia quân Ngô-tiên-chủ chém giết quân Tàu man,
Kia quân Trần Quốc - Tuấn đánh tan quân Thoát-Hoan
Nay đã bao lâu? còn đâu nữa rồi?
Thời giờ qua, đã hơi mờ trong đêm tối
Người nay có hay: đã vì chúng ta
Người hùng anh xưa g ở nước non nhà?

(QUA BIỆP-KHÚC)

...ĐẠI-VƯƠNG

Đề non-nước khỏi núi xương, sông máu,
Bao 'hây phơi cho qua phanh, ruỗi bậu,
Tiếng khóc than vang thấu tận Thiên-cung.
Ấm con thơ, vợ trẻ đứng bên sông
Quần lòng ngóng tin chồng ngày vắng bật l
Chân run rẩy và lòng đau như cắt,
Đặng huyền già mở mắt rồi phương xa,
Thay chu đáu? đường cat bụi mịt-mờ,
Tìm sao thấy bóng hình xưa thân ái l
Một tuổi g khác — Bao thanh quách đền đài
xưa để lại
Trong phút giây tàn hại nát như tương,
Hang mỏ vàng, bề ngọc núi kim cương
Đem phung phí coi thường như sắt vụn l
Thôi, xin đem tiền kho, đem thóc dự
Ma t.ểu trừ bệnh hoạn giúp lương dân.
Cho mọi người có áo mặc cơm ăn,
Hà chẳng phải lòng nhân là đáng quý?
Phật Như-Lai lánh uy quyền tước vị,
Cũng chỉ vì quyết chỉ cứu dân mê.
Thanh Khôn-? Khẩu bốn tàu khắp sơn khê
Vì nguyện ước vô vô yên trăm họ.
Xin...

Hưng-Đạo. — Ai nói đó hẳn không biết hổ,
Lữ củ diều đừng khua mỏ, mùa mồi,
Thần ngựa trâu cam chịu phân tôi đòi,
Đem đất nước làm nôi cho g gác Thát l
Xin Bệ-hạ giữ-gìn từn lặc đất.
Truyền đem quân đi t.ểu phạt rợ Mông;
Có đe n thần ra gin-quĩ, on sông.
Mới đàng bức anh-hùng trong vũ trụ.
Vẫn hay rằng nước Nam ta bé nhỏ,
Ma đại binh Mông-cô khi đương kiêu;
Nhưng dụng b nh, không cõt ở lương nhiều
Mà cốt tướng tri mưu điều khiển giõi.
Thần vẫn mong cho nước thoát khỏi
Nạn b nh đao tan hại tới bọ sáu;
Nhưng đã sinh ra làm kiếp mảy râu,
Giặc tới nhà có lẽ đâu không đánh?
Hạ-thần xin đe n đầu dâng lương thánh,
Đề khỏi trông thăm cảnh nước nhà tan.
Đầu thần còn, thì xã-tắc bình an,
Thần xin nguyện lo toan binh giặc Thát.

Nhân tôn. — Lời khanh nói chắc như danh như sắt,
Đất nước nhà còn mất, trẫm nhờ khanh.
Khanh khá mau lo thông lĩnh muôn binh,
Luyện tướng sĩ ra tay binh giặc nước.

Họ tên
Còn nữa
TRẦN VĂN BICM

Thư gửi cho bạn

NHẮC NHỚ ĐẾN DANH NHÂN VIỆT-NAM XƯA

Chợ - lớn ngày... tháng...
năm Nhâm-ngọ.

Tôn, bạn

Hôm rằm tháng năm, bạn có viết cho tôi một bức thư, đại khái bạn nói trong một lúc bạn bị một cái buồn vô - lý đến xâm-chiếm lòng bạn và làm mờ cả tâm trí bạn. Có một đoạn bạn viết xem cũng buồn thật. «... Hôm ở trên anh về, thật tôi bị một cái buồn làm mờ cả tâm trí, mà xét lý tôi thấy vô lý quá... Những hạt mưa con và bụi than bám đầy quần áo, tôi cũng không màng phớt. Ngồi ở toa san chít, tay vịn vào ch.ếc xe đạp dựng gần bên, mắt nhắm nhắm nhìn xuống đường rầy. Tám vạn này đến tám vạn khác lần lượt qua, qua mãi; dóm tận đằng xa, tưởng tượng như cái thang dài vô tận. Hai thanh sắt gan lì chịu đựng cái sức nặng nghìn cân của những con vật, bằng gỗ và sắt hợp thành, thường ngày qua lại. Rồi ngày tháng trôi pha, nắng mưa phơi trải, dần dần mòn mỏi với thời gian, sẽ bị bỏ quên trong đồng sắt cũ-kỹ... như người đời, sau những ngày vật lộn với thời gian cực nhọc, sẽ bị bỏ quên dưới ba tấc đất phủ đầy một lớp rêu xanh... »

« Dĩ vãng là một chuỗi mờ vô tận,
« Tương lai là một chuỗi huyết
khôn thành,
« Còn hiện tại, mới làm sao, bạn
hỡi ? ».

Sao bạn lại quá bi quan vậy ? Sống ở thời đại khoa học độc thịnh này, ta phải nhìn thẳng vào thực-tế, làm việc với hiện tại để hi-vọng một ngày mai sáng-lạn vui tươi hơn. Mình biết tạo lấy tương-lai thì nó sẽ đem hạnh-phúc đến với mình, chứ không bao giờ nó là « một chuỗi huyết khôn thành » như lời bạn đã nói đâu.

« L'avenir n'est pas chose faite qu'il
faut attendre, il faut le créer soi-même »

Michelet đã nói thế đó.

Thỉnh thoảng ta cũng nên nhớ lại dĩ-vãng, nhớ lại những kỷ-niệm êm đẹp đã qua để sống lại những cảm giác tâm-mê khoái thích, đó là những trợ lực tiềm tàng đẩy ta tiến bước trên đường đời.

Nhưng rất không nên nhớ lại những chuyện tủi buồn đã qua để mà sầu khổ, vì đời người đâu phải toàn những chuỗi ngày khổ não sầu thương. Trong một lúc, ánh mây buồn nhẹ phớt qua tâm-trí bạn, sao bạn lại thốt ra những lời yếm thế quá vậy ?

Bạn nói : «... như người đời, sau những ngày vật lộn với thời-gian cực nhọc, sẽ bị bỏ quên dưới ba tấc đất phủ đầy một lớp rêu xanh. » Vẫn biết rằng không ai tránh khỏi luật đào thải thiên nhiên, nhưng người đời có « bỏ quên » ai, là họ « bỏ quên » cái khối thịt xương thối tha, tan nát của người thường, chứ có bao giờ họ quên được những sự nghiệp tốt đẹp, những công-trình vĩ đại của hạng danh-nhân đã xây dựng và để lại cho hậu thế thừa hưởng

Bạn có quên được Tổ-Như Nguyễn-Du tiên-sinh với tác phẩm vô-giá « Kim Vân-Kiều », một áng văn chương « vô tiền tuyêt hậu » ấy không.

Bạn có quên được bà Đoàn thị-Biêm với bản dịch nổi « Chinh phụ ngâm », một khúc ly-ca ai oán của Đặng-Trần-Côn tiên-sinh không ?

Bạn có quên được cụ Nguyễn Trãi, một công thần của vua Lê-thai-lô với cái mẹo thích chữ vào lá cây rằng : « Lê - Lợi vi quân, Nguyễn - Trãi vi thần » mà khi.h động lòng người về phò vua Lê cho quân đông tướng mạnh; với bài « Bình Ngô đại cáo » dững mãnh hùng hồn ấy không ?

Bạn có quên được Hưng-Đạo đại vương Trần-Quốc-Tuấn, vị anh-hùng cứu quốc

đã đánh tan quân Mông-cò trên sông Bạch-đăng ấy không ? Nhờ chiến công oanh-liệt ấy, sau sứ ta sang Tàu không đến nỗi chịu hồ-thẹn trước vế câu đối họ ra :

« Đồng trụ chỉ kim dài dĩ lục »
(Cột đồng đến nay đã rêu xanh).

Đó là người Tàu cố ý nhắc đến việc Mã-Viện dựng cột đồng để làm nhục sứ ta. Nhưng sứ ta nhớ ngay đến Ngô-vương Quyền và Hưng-Đạo đại-vương, liền đối lại rằng :

« Đẳng-giang tự cổ huyết do hồng » (1)
(Sông Hằng từ xưa nước còn đỏ).

Thế là nhờ huân-nghiệp của các vị anh hùng, nhất là đức Trần Hưng-Đạo, mà sứ ta đã rửa được oái hèn quốc sỉ. Vậy người đời có quên được Trần quốc Tuấn bao giờ đâu ?

Người ta lại nhớ đến :

Thượng-tướng Trần Quang-Khải cũng đánh phá được quân nhà Nguyên và ghi công trong hai câu thơ rất mạnh mẽ này :

« Đoạt sáo Chương dương độ,
« Cầm Hồ Hàm tử-quan » ;

Ông Trần quốc-Tcẩn, vị anh-hùng trở tuổi ở thời Hưng Đạo vương, với chuyện bóp quả cam như nát trong bàn tay, khi ông nghe cáo tôn-thần hội bàn việc đánh quân Nguyên mà mình không được dự, với cây cờ có đề sáu chữ « Phá cường địch, báo hoàng đế », với những trận đánh đâu được đây ;

Ông Phạm Ngũ-Lão, một tay tướng tài đã từng giúp đức Hưng Đạo trong nhiều trận, với bài thơ hùng-tráng mạnh bạo và khoáng khái này :

« Hoành sáo giang sơn cáp kỷ thu;
« Tam quân li hồ khí thôn Ngưu ;
« Nam nhi vị liễu công danh trái,
« Tu thính nhân-gian thuyết Vũ-hồ ! »

Xem tiếp trang 15

Cung đề

TRẦN HƯNG-ĐẠO THÁNH MIẾU

Lời thơ Nam-dân bát châu

Tùng-Vân NGUYỄN ĐÓN PHỤC

Vận thế-giới, giặc Nguyên xưa
hùng vũ
Vào Nga-tur, sang Ấn-độ, vượt
Trung-hoa.
Thánh Nam-hải, tướng Đông-a,
Phong-vân hai chuyển, sơn-hà
một tay.
Lục-dầu thủy, đêm ngày làn
sóng dậy :
Vạn-kiếp sơn, từ-vũ nên hương
chung.
Cúi đầu đọc sử hiếu-trung ;
So trong thế-giới anh-hùng xưa
nay.

Phụ thể Đường-luật

Thần - tướng trời sinh xuống
thế-gian,
Đông-a sự-nghiệp kẻ muốn vãn.
Máu quân Ô - mã pha Đẳng-
thủy ;
Hình chiếc kim-âu vững thạch
bàn.
Trung - hiếu một lòng, gương
nhật-nguyệt,
Anh-hùng đôi chữ, nét giang-
san.
Nguy-nga tòa miếu chen hương
khói,
Gió Lạc, mây Hồng cảnh tráng
quan.

Chú thích

Thánh-miếu : Miếu ở triền sông
Lục - dầu, non Vạn - kiếp, nay
thuộc Hải-duong, Chi-linh.

Giặc Nguyên : Tức rợ Mông-cô,
biệt hiệu là Thát-đát, ở phương
bắc Á-châu. Hồi thế-kỷ 13, rợ
ấy rất cường thịnh, có ảnh-
hưởng lớn trong thế-giới. Vua
rợ ấy tôn hiệu là Thành-Cát-Tur-
Hãn, hùng-vũ vô-dịch, giết nước
Hạ, nước Kim, rồi cất quân sang
Đông-Âu, vào Mạc-tur-khoa, xâm
lấn Ba-lan, Hung-gia-lợi, Thôn-
nhĩ-kỳ mọi nước. Kế đến người
cháu là Hốt Tất-Liệt giết nhà
Tống, nhập đế Trung-hoa, lập
quốc hiệu là Đại-Nguyên. Hồi

thế-kỷ 14, lại có người cháu nữa
là Thiếp-Mộc-Nhi-Lang, lại cất
quân sang xâm-lấn Tiểu-Á-tế-á
và Ấn-độ. Khoảng 200 năm, nhà
Nguyên oai thanh dữ mạnh, bản
đồ rộng lớn, cò kim chữa từng
thấy. Đối chiến với lịch-sử nước
ta, tức là về hồi nhà Trần kiến
quốc ở cõi Nam.

Thánh Nam-hải : Bạc Nam-hải
di-nhân.

Đông-a : Một danh hiệu riêng
kêu nhà Trần.

Ô-Mã : Tức Ô-Mã-Nhi, người
Mông-cô, tướng giặc Nguyên.

Làn sóng dậy : Sóng dợn lên
và có tiếng. Vãn cò, Tây-hồ-lung :
« Sóng dậy y-ô ».

Từ vũ : Cũng như miếu-vũ.

Kim âu : Chiếc âu vàng, ví
quốc-gia là cái vật hoàn toàn
kiên cố. Trần-thi : « Sơn hà thiên
cổ điện kim âu ». Nghĩa là non
sông nghìn thuở vững âu vàng.

Thạch bàn : Là tảng đá phẳng,
tức là nghĩa : « Thái-sơn bàn
thạch ». Nói bình thế vững-vàng.

Phụ dẫn

Tiền đạo trước kia khởi thảo
mười hai điều Thi-gia thể-ắc,
đã từng có bài Đường-luật cung
đề thánh miếu, để làm căn bản
cho thi thoại, hiện đã đăng ở
Đông Pháp báo kỳ 16 Décembre
1941. Nay nhân gặp ngày kỷ-
niệm đức Trần Hưng-Đạo, cũng
xin có bài Nam - dân cung đề
thánh-miếu, để tỏ lòng sùng bái
vĩ nhân. Duy hai bài ấy, một đề
mục mà hai sắc tướng, hai thể-
tài, chút có liên-lạc về đường
tham-khao. Vậy xin nhắc qua
bài Đường-luật ngày trước, mà
phụ đăng ra đây, để tiện khi thi

gia tham duyệt nhân lãm.

Tùng-Vân NGUYỄN ĐÓN-PHỤC

Nhắc nhở đến...

Tiếp theo trang 14

Nghĩa là : « Vác giáo tung hoành
núi sông đã trải biết bao thu rồi. Chỉ-
khí ba quân mạnh như búa, bễ muốn
nuốt cả sao Ngưu. Làm trai chưa trả
được nợ oanh danh, nhờ người đời
nói chuyện Vũ hầu Khổng Minh mà
thẹn » !

Và còn nữa, còn nhiều nữa những
danh nhân Việt-nam ngày xưa, bạn có
quan đợc không ? Có người lập nên
chiến công rực-rỡ giữa mưa đạn, rừng
gươm ; cũng có người miệt mài trong
chốn thư trai, làm nên những văn-nghị
như gấm, tươi như hoa để đời-tổ non
nước. Thì ngày nay ta cũng nên rưng
thế nào để cho khỏi thẹn với tổ-tiên,
khỏi phụ người hậu thế.

« Đối với quá-khứ là biết ân, đối với
hậu lai là bảo trợ. Phải rồi, chỉ cái بدن
phận ấy mới làm cho tôi nhớ mãi tôi
là người. Và đã là người thì không có
quyền kính sợ khổ sở trước cái Toàn-
Thể (Grand Tout) đương bao - học và
đương như chựa vồ lấy tôi. Tôi phải
đắm say, lăn-lóc với nó ! » Ông Lu-
khô đã nói như thế, bạn hãy đọc chầm-
rãi và suy nghĩ lâu lâu xem.

Chào bạn

ĐÀO-ANH-TỰ,

1) Theo như bạn Đỗ Mộng - Khương
nói với tôi, thì về đời này là của cụ
Trần Tuy, bồng - nhơn khoa Mậu-toất
năm Mạc Đại-chính thứ bảy, 1536.
Ở làng Phương-lâu, tổng Phương-lâu,
huyện Lạc-trí, Phú-tho, có đền thờ cụ.
Hai cột trụ trước đền có đôi câu đối
kỷ thuật sự-nghiệp cụ :

Nhất giáp đệ nhị danh : Nam-triều
khoa bồng.

Vạn lý tam thốn thiêt : Bắc địa
bất g sương.

HOA-BẮNG chưa

Đức Trần-Hưng Đạo

Này núi, này sông, này miếu-
lầu,
Những người thiên-cổ bấy
giờ đâu?
Mây xanh lớp-lớp rơi sương
lạnh,
Kiếm ngọc đêm-đêm nhả khí
sầu.
Vạn - kiếp lập - lòe tàn lửa
trần,
Lục-đầu vắng-vắng khúc ca
thâu.
Đầu hôn chính khí, đầu rầu
mất?
Nhớ Đại - Vương xưa đuổi
giặc Tàu...

HỒ-XANH

II
Tài cao, chí cả, dạ trung trinh,
Tỏ lại non sông nét trịnh-bình,
Giặc Bắc hai phen dồn đất chết.
Giặc Nam muôn thuở mở
đường sinh.
Sông Đằng phản gươm phát gương
oanh liệt
Đền kiếp huy hoàng vẻ tối lnh
Sử sách chép công dân chép
đức
Nghìn năm hương khói nhớ
uy danh.

CHU-THIÊN

Tin văn hằng tuần

Thăng thưởng trong ngạch các quan thủ-hiến

Do sắc-lệnh ngày 8 Septembre 1942 của Quốc-trưởng Pháp :

Quan Thống sứ Bắc kỳ Pierre Delsalle được thăng Thống-sứ hạng nhất — quan Phó Toàn - Quyền Georges Gautier được thăng Thống-sứ hạng nhì — Quan khâm-sứ Trung kỳ Emile Grandjean được thăng Thống-sứ hạng nhì.

Hơn 30 năm trôi, từ chức Tham-Tá hạng ba 31 Décembre 1908 qua nhiều bước Vinh thăng, quan Thống-sứ Pierre Delsalle, — một nhà chính-trị thân dân đã từng thực-hành chính sách vừa khoan-hồng vừa cương quyết, — ngày nay được chính - phủ Pháp đặc biệt

thăng lên chức Thống-sứ hạng nhất thực là một ân thưởng đích đáng mà nhân dân Việt Nam đều tỏ vẻ hâm-hoan.

Quan Phó Toàn quyền Georges Gautier và quan khâm-sứ Trung ý Emile Grandjean là hai nhà chính-trị đã tận tụy với nước Pháp và xứ Đông Dương cũng đều được hưởng ân điển của Quốc trưởng Pháp một cách đích đáng.

Đứng trước ba cuộc vinh thăng, Tri Tân chúng tôi xin chân trọng chúc mừng quan Thủ hiến Bắc kỳ, quan Phó toàn quyền và quan thủ hiến Trung ý.

Ngon được thân

là vở kịch do mấy nhà thương mại và kỹ nghệ Hà-Thành sẽ diễn tối hôm 26-9-42 ở nhà hát tây để giúp quỹ quốc gia. Quan chánh đốc lý thành phố sẽ chủ tọa buổi diễn kịch này. Vậy các bạn chớ nên bỏ qua làm việc nghĩa.

Lê Thái-Tổ

Tựy-động, chí-lãng, hai trăm đại
thắng của Bình-dinh vương có
hai bản đồ.

của Biệt-Lam Trần-huy-Bá
Chuyện đời Lê

của Trúc-Khê
Cuộc hành-hương đến thờ
Nguyễn-Trãi... của Vô-Ngã
Gia đình và thân-thể vua Lê Thái-
Tổ của Chu-lhên
Người thôn-nữ, một truyện tưởng
tượng về mẫu đời hồn bá của
Bình-dinh vương Trác-gén-Sơn viết
Và nhiều bài khảo-cứu rất
công-phu của những cây bút
mà các bạn vẫn quen biết.

Lập theo trang 11

tay đời lệnh mới đem lên, tuy bấy
giờ đã vào hàng công khanh. Cụ
lại thường cúi xuống nâng lấy gậy,
đỡ lấy gậy cho thầy như thi ở thềm
thời còn cấp sách theo thầy « Có
trong thầy mới được làm thầy »,
cụ đã theo một tấm gương sáng của
tình sư-đề ngày xưa tại Thạch-môn
sơn Dương-nham đời Lê.

NGUYỄN ĐAN-TÂM

1. Dân từ từ Yên phụ gia gia
xuống, cũng chỉ-có là Lê su t
vong trời đất.

Vừa giúp quốc vật cho nhà Trần,
danh-tiếng rõ-rang còn để trog sử
sách.

2. Trong máy ở núi Yên-phụ có
lò cổ miếu thờ A-sinh vương sinh
ra đức thanh Trần: có năng lực
linh-thiêng.

Trên đỉnh Đào-nguyên, con trog
bọc trung của Lạc tại g quân, ở đời
thịnh-trị đầy vẻ xuan mới.

3. Núi trước đã chung ngộ cái
đạo « sắc thị không không tại sắc »,
ngài là thiền-sư nước Nam mà lại
là pháp-nước lấy-chức.

Ở chỗ núi Thạch-môn này, vị
thánh-chúa ngồi trên hoa sen có
tiếng là anh linh mãi mãi,

4. Bài vị Sư-Mạnh Phạm tướng-
công ở làng Dương-nham, đồ tiên-sĩ,
làm hữu-lương đời Trần.

TIẾT-THÁO CÁC ÔNG THẦY VÀ TÌNH THẦY TRÒ HỒI TRƯỚC

Tiếp theo kỳ 62

Tiên Đàm NGUYỄN TƯỜNG-PHƯƠNG

Nhắc các chuyện trên đây, chẳng có ngại cho là những việc từ nhà Trần, Lê, Tây-sơ, Nguyễn-sơ đã xa quá, và cổ quá, vậy không gì bằng tôi xin phép hầu ngay các ngài câu chuyện cách đây 60, 70 năm.

Cũng trong triều Tự-Đức (1848-1883), ở Thăng-long này có hai trường học được tiếng nhất là trường cụ cử Võ-Thạch và cụ cử Kim-Cổ.

Cụ Võ Thạch tên húy là Nguyễn Huy-Đức, người làng Võ-thạch, huyện Thọ-xương, tỉnh Hà-nội, đỗ Cử-nhân thứ 11 trường Hà-nội, khoa Mậu-ngọ, vào niên-hiệu Tự-Đức thứ 11 (1858). Cụ là nhà túc nho, không chịu ra làm quan, ở nhà mở trường dạy học.

Trường cụ đã đào-tạo được nhiều danh thần buổi ấy. Nhưng bao giờ đến nhà thầy, họ cũng vẫn giữ hết lễ như học trò cụ Chu Văn-An tôi đã kể trên.

Hồi ấy, nhà nước mới lập ra nha Kinh-lược Bắc-kỳ. Quan Kinh-lược sứ muốn vì nước lục dụng những bậc túc học. Nhân cụ Võ-

Thạch có hai học trò đang làm Tham-biện và Thương-tá ở nha ấy, quan Kinh-lược ủy ngay hai người học trò về mời cụ đến.

Vì học trò hết nhờ nói, cụ bắt đầu đi phải vào hầu. Thêm thì cao, cụ thì già, hai trò phải dắt, cụ cáo là óo mục tật; quan Kinh lược đang ngồi trên công đường vội chạy ra thêm đón, mời vào ngồi chơi, rồi đạo đạt với cụ việc nhà nước có ý dùng cụ. Cụ nhất định xin từ chối vì già cả, lẫn lộn, e không kham nổi. Hai ba phen quan Kinh-lược nài ép, cụ cứ khăng khăng một mực xin cho ở nhà. Lúc cáo ra về, quan Kinh-lược sai lấy hai cây the, và hai nén bạc ra tặng, cụ cũng không nhận.

Nghe đâu về sau vì sợ lại bị triệu nữa, cụ phải về quê ngoại để mai danh ẩn tích.

Còn học trò cụ đối với thầy thế nào?

Một cụ nhe kể cho tôi nghe rằng : Ông Đỗ Văn-Tâm (1), học trò cụ, đỗ Đồng tiến-sĩ khoa Canh-thìn (1880), hồi làm tuần-phủ tỉnh Thái-bình, một ngày, có việc phải

về Hà-nội.

Người mà ông đến thăm trước nhất là ông thầy học.

Ông xuống võng từ xa, lấy áo tảo mào, rồi tự mình bưng một cái khay đựng 1 cân chè, 5 nén bạc đến nhà thầy.

Vào đến sân, sau khi chào thầy, đặt khay trên thềm, lạy hai lạy, rồi chấp tay đứng nói :

— Bẩm thầy, con từ tỉnh về, gọi là có ít chè để thầy sơ nước và chút ít để thầy dùng.

Cụ Võ-Thạch, lúc ấy, đang ngồi chấm sách trên phản, ngừng dạy hỏi :

— À anh Tâm đấy, anh cho thầy gì thế, chè này, lại cả bạc à ! Chè thì nhiều quá, mà bạc thì thầy tiêu gì mà lấy, có phải thế, thầy lấy một bao chè thôi, anh ngồi chơi kia, thầy trò ta uống nước.

Nói xong, cụ gọi trẻ quạt nước, hiềm vì lúc ấy không có ai trên nhà học.

Ông Tâm vội đứng dậy thưa :

— Bẩm thầy, để con đi đun nước.

Rồi, cái ông đã ra làm « cha mẹ dân » ấy cũng đến chỗ hỏa lò, cho nước vào siêu cô bay, cũng ra giậu bẻ nan đóm, đun nước hầu thầy như hồi còn là anh học trò đến nghe sách, làm phận sự trước giờ học vậy.

Kể chuyện này, chắc eó vị cho là cổ quá, không hợp thời, nhưng năm sáu mươi năm trước, cái tình sư đồ là như thế. Ông nhà nhe kể cho tôi nghe ấy đã vượt

Vừa xuất bản

CHÚ' NHO HỌC LẦY

Cử-nhân DƯƠNG BÁ-TRẠC soạn

Giá: 1 p. 00. Cước thường 0 p. 12. Cước đám b'io 0 p. 32

Thư và mandat đề cho hiệu sách ĐÔNG-TÂY

195, phố Hàng Bông — Hanoi

Không gửi lĩnh hóa giao ngân

râu mà phê-bình rằng: « Có ông thầy như thế phải có học trò như thế! » Câu ấy thật ngụ nhiều ý tứ. »

Như trên tôi đã nói, trường thứ hai ở Hà-nội là trường Kim-cổ.

Tiên-sinh húy là Ngô Văn-Dạng, hiệu Tiến-Song, sinh năm Ất-vị (1835), Minh-Mệnh thứ 16, người làng Lương-ngọc, phủ Bình-giang tỉnh Hải-dương, ngụ ở phường Kim-cổ, huyện Thọ-xương, Hà-nội (tức là phố Hàng bông), vốn là dòng dõi khoa-bảng, đỗ Cử-nhân khoa Giáp-tí (1864) năm Tự-Đức thứ 17. Nhân vì có ông anh ruột đỗ Cử-nhân làm Đồng Tri - phủ Lạng-giang mất sớm, cụ sợ một là ra làm quan không gìn-giữ được sẽ thất đức, hai là không ai trông nom công việc nhà, nên ở nhà dạy học, và cái đạo tể-gia cũng là một trong phận-sự mà Thánh Hiền đã dạy. Cụ mất năm 1885 (Hàm-Nghi nguyên niên).

Trường Kim-cổ ở đâu?

Ngày nay các ngài qua phố Hàng Hải, số nhà 12 là một tòa nhà đồ sộ, các ngài không thể tưởng tượng rằng cách đây mười năm, trên nền ấy là một căn nhà cỏ, ngoài có hai cửa hàng, trong là một trường học.

Cụ Cử Kim-Cổ là một nhà mô-phạm, đạo đức, nên học trò cáo tỉnh về học đông lắm; mỗi khoa thi Hương, học trò cụ đỗ gần hết bảng. Gần đây trong hàng quan lại Bắc-kỳ có nhiều vị là học trò

cụ Kim-Cổ.

Cụ thương học trò như con, ai nhầm lỗi điều gì là trách mắng ngay. Cụ lại còn thương cả học trò nghèo.

Một lần, trong trường có một người học khá, mà cụ lại nuôi cháu gái mồ côi. Đem con cháu gả cho học trò vẫn là sự thương của các ông thầy khi trước. Song ở trường - hợp này, người học trò nghèo quá, giang-sơn chỉ có cái áo vải, cái nón sơn và một đôi dép, nhưng học hành siêng-năng lắm, mồ đất đã đến trường, sau khi quét tước, hầu thầy rồi nghe sách, Ngày nào cũng thế, dù mưa, nắng, ốm đau, không bao giờ bỏ buổi học, kỳ bài.

Cụ Kim-cổ thấy thế, yêu lắm, nhất định gả cháu gái. Nhưng cụ thì thế, còn cụ bà thì sao?

Cụ bà can rằng:

— Cháu đã mồ-côi, lại đem gả cho học-trò nghèo thì làm thế nào? Tôi xem anh Hai ấy nghèo lắm, nhà cửa chẳng có, ngày ngày chỉ nằm làm vãn ở Trấn-ba đình ngoài Ngạc-sơn, tối đến ngủ nhờ nhà các bạn. Nếu gả, như thế lấy gì nuôi nhau!

Cụ cười mà giả nhời rằng:

— Bà chỉ biết bây giờ thôi, mai sau anh ấy khá hơn ta nhiều lắm, rồi cháu bà sẽ ở ngôi mệnh-phụ đấy!

Thế là việc hôn-nhân ấn-định.

Gần đến gies kỳ, cụ cho gọi học trò đến bảo:

Thông chế Pétain đã nói:

«Hiến-pháp của nước Pháp là gì? Nó sẽ là nền tảng, là sự thành công của một cuộc Quốc-Gia cách-mệnh hiện còn đương tiến hành».

— Anh phải dẫn cưới cho thầy một cân chè và một nén bạc.

Nghe thấy thách cưới như thế, người học trò kia lo quá. Chờ đến thừa lại với thầy là mình nghèo lắm.

Cụ cười bảo:

— Thầy thử anh đấy thôi! Xưa nay «giả-thủ bất luận tài»; nhưng theo tục, phải có lễ, thầy đã sắp cho anh đủ cả kia.

Nói xong, bảo vào trong nhà lấy đưa cho người học trò một cân chè gói giấy đỏ và một nén bạc. Nhưng lo được lễ, người học trò vẫn còn lúng túng chưa về. Cụ hỏi:

— Anh còn điều gì nữa?

— Bẩm thầy, con không có chỗ ở nhất định thì dẫn cưới từ đâu?

— À ... thì cứ đi từ đền Ngạc-sơn cũng được.

Thế là đám cưới ấy đã từ cầu Thê-húc đến Ngạc - sơn đến phố Hàng Hải, đủ đồ lễ ở trong quả sơn Một sự buồn cười là lễ của ông thầy cho học trò mượn lại do học trò mang đến nhà thầy.

Nhưng sau ngày cưới, gián - dị ấy, ông thầy đã cho hai vợ chồng người học trò cái vốn nhỏ để vợ buôn bán giúp chồng theo học.

Gai sủa của thầy như vậy, thì học trò không coi như cha mẹ sao được!

Vì thế, sau này, người học trò kia hiền đạt (2) đã đem con thầy bị một chỗ làm quan, trông nom thuỗ hang, và khi ông con thầy ấy

Cái thú tập Kiều ra sao? Cái cách tập Kiều thế nào? Các bạn đọc

Kiều vận tập thành

(Sách dạy tập Kiều)

Soạn - giả: Bình - Nam Nguyễn - Đăng - Cư

Tiến sĩ, trước sung Cử học viên viện trưởng ở Huế

Sách dày 130 trang rộng - có 2 phần: trên là bản Kiều vận tập thành dưới là bản Kim vân kiều truyện

Giá bán đặc biệt 0p35 - Cước thường 0p20

Đề cho hiệu sách Đông Tây - 195 hàng Bông Hanoi

mất ở chỗ lý sở, lại làm ma chay chu tất.

Thưa các bà, thưa các ngài,

Những chuyện tôi vừa kể trên chỉ là một hai chuyện trong trăm nghìn chuyện các ông thầy và tỉnh thầy trò hồi trước.

Tôi tiếc rằng không kể được hay, và không kể thêm được nữa, vì muốn nghe hết, các bà, các ngài phải ngồi vãi ba đêm nữa.

Tôi xin phép kết luận rằng: người đi học khi xưa có cái quan niệm là khi học thành tài, « xuất » ra làm quan, mong đem sở học giúp nước, trị dân; mà « xử » là đi ở ẩn theo con đường giáo dục, cốt đem cái đạo mình học được truyền lại cho người sau.

Các ông thầy ấy đã lấy việc dạy-dỗ làm một phận - sự thiêng-liêng, một công việc phải làm, dù gặp trường hợp nào cũng giữ-gìn

liêm-khiết, thanh-cao, để cho vẹn cái tiết tháo của mình.

Gia chi dĩ cáo vị ấy còn hết sức « chính tâm » và « tu thân », nên phẩm-hạnh nhiều vị đã đến bậc hoàn-toàn, đáng làm gương cho học trò, hậu tiến bắt chước.

Mấy năm trước, khi làm tập « Phong tục Việt-Nam », ông Cử Bura-Văn Phan Kế - Bình, trong mục « thầy trò của cựu học », đã phê-bình rằng :

Kìa như các bậc đáng mặt mô-phạm, có công dạy-dỗ, có ân-đức giáo-hóa nhuần thấm đến người thì người ta không nên quên ơn đã đành. Còn như mấy ông đồ quèn, học hành chưa hiểu vỡ mạch sách, văn chương chưa thuộc đủ lẽ lối, mà đã đi về các vùng quê, tìm nơi thiết trường, gõ đầu rằm ba đứa, nửa mường nửa mán, để hồ khẩu cho qua đời. Vậy mà cũng dám lên mặt đạo mạo, động

một tí thì bỏ cho đồng-môn nào khi nhà thầy có giỗ, nào khi thầy có việc mừng vui, nào khi thầy lấy vợ, nào khi thầy lên lão làng cũng lới đồng-môn ra mà bắt oánh vác, ấy lại là một cái mặt của thiên-hạ ». (Bổ quốc - sử. Việt-Nam Phong-Tục. Đông-Dương Tập-Chí, trang 1900).

Nhờ phê-bình tuy nghiêm-khắc nhưng làm cho những ai có cái nhiệm vụ đào-tạo hậu tiến phải ngẫm-nghi, lo sao cho xứng đáng là thầy.

HẾT

Tiên Đàm

NGUYỄN TƯỜNG-PHƯƠNG

1, Ông Đỗ-văn-Tâm hiệu là Gia-Xuyên người làng Đại - gia, phủ Thường-tín. đỗ Đồng Tiến-sĩ, làm quan đến Hiệp-biên đại học-sĩ. tác giả bộ Đại-Nam điển-lễ toát - yếu.

2, Ông này sau đỗ cử-nhân khoa Tân - mao (1891) làm đến An-sát-sử.

Nhà xuất bản

ĐỒNG NAI

Sắp phát hành

1a đẹp — Giá 0p75

Tác phẩm ra mắt của

KHÔNG - DƯƠNG

Cứu lấy Thanh niên !

Một chương trình cải tạo và gây dựng thanh niên Việt Nam cần phải thực hành ngay từ bây giờ

Không đại lý nào được độc quyền trong một địa hạt nào cả, trừ ra nếu có thư thương lượng những điều kiện riêng.

Thư từ và tiền bạc đề cho :

Ô. Trương-văn-Hai

248 — La Grand ère — 248

Gây nói : 20453 SAIGON Hộp thư : 220

VŨ-NGOC-PHAN

NHÀ VĂN HIỆN ĐẠI

Toàn bộ 4 quyển — Mỗi quyển 2p
Loại sách đẹp giấy lụa dó 10p

Đã có bán quyển I

Những nhà văn hồi mới có chữ quốc-ngữ —
Nhóm « Đông - dương tạp chí » — Nhóm
« Nam-Phong tạp chí ».

Có 12 bức ảnh các nhà văn

Xuất bản trong « Tủ sách Tao Đàn »
Nhà Xuất-bản Tân-Dân

Mua sách xin gửi tiền trước,
cả cước mỗi quyển là 0p30.

Không gửi lĩnh hóa giao : gán
Mandat gửi về : Nhà in Tân-Dân
93, Phố Hàng Bông Hanoi

Cách xếp - đặt chữ nho trong

TỰ-ĐIỄN

Số 8

ĐÀO-TRỌNG-ĐỦ

Lệ thứ nhì: nét phẩy. — Có hai ca nét phẩy phải tính riêng một liên-hoạch;

1. Khi nào viết riêng một cách rõ ràng: như chữ *sam* 參 chữ *phạp* 𠂔 và những chữ bộ sắc 𠂔.

2. Khi nào nét phẩy viết trên hình chữ thập 十 (une croix), hai đầu nét ngang chữ thập không được dính dáng đến nét khác. Thí dụ chữ *thiên* 天 chữ *trùng* 重 chữ *hòa* 禾, mỗi chữ tính hai liên hoạch.

Ngoài ra phải coi như liền với nét dưới. Thí dụ chữ *vũ* 禹 chữ *gầu* 天 chữ *bạch* 白 tính một liên hoạch.

Lệ thứ ba: nét móc. — Nét móc cuối cùng nếu đi theo sau nét phẩy, phải tính riêng một liên-hoạch. Thí dụ:

chữ *thủy* 水 tính ba liên hoạch

chữ *cẩn* 艮 tính hai liên hoạch

chữ *thỉ* 系 tính hai liên hoạch

Lệ thứ tư: Hình vuông. — Hình vuông nào bốn bề không hở quadrilatère fermé, nếu không có liên hoạch kép khác ở ngoài xiên qua, phải tính riêng ra làm một liên hoạch. Thí dụ: chữ *cổ* 古 phải tính hai liên hoạch, chữ *triều* 朝 phải tính bốn liên hoạch vì chữ thập trên là một liên hoạch kép mà nét sỏ không xiên qua chữ *khẩu*, chữ *viết* 𠂔 ở dưới. Chữ *xa* 車 tính một liên hoạch vì có nét sỏ xiên qua chữ *viết*. Chữ *tự* 自 chữ *bạch* 白 tính một liên hoạch, vì nét phẩy đầu không phải là liên hoạch kép không theo lệ thứ tư được, phải theo lệ thứ nhì nói về nét phẩy xem đoạn trên.

Lệ thứ năm: Trùng điệp. —

Chữ nào do một chữ khác lặp lại ba lần phải tính làm ba liên-hoạch, dù chữ lặp lại không phải viết thành nhiều mảng cũng thế. Thí dụ chữ *phẩm* 品 ba chữ *khẩu* 口 ba liên-hoạch, chữ *thô* 𠂔 ba chữ *lộc* 鹿 ba liên-hoạch, chữ *tiên* 𠂔 ba chữ ngư tính ba liên-hoạch...

Khi nào một chữ lặp lại bốn lần, cũng theo phép trùng-điệp mà tính liên-hoạch.

Theo số liên-hoạch, ta có thể chia hán-tự ra chín loại:

Loại thứ nhất: một liên hoạch, như chữ 一 口 申 申 車.

Loại thứ nhì: hai liên hoạch như chữ 二 明 古 乏.

Loại thứ ba: ba liên hoạch như chữ 三 仁 佑.

... cho đến loại thứ chín, gồm cả những chữ từ chín liên hoạch trở lên: như chữ *ngư* 魚 chữ *lư* 𩺰.

d) *Bộ thủ phân loại (classification en 214 bộ)*

Cách xếp đặt hán tự trong tự-diễn Khang - hi, một phần lớn theo phép tượng hình phân-loại:

Có chấm *thủy* 氵 bên tả, xếp với nhau.

Có chữ *môn* 門 xếp với nhau.

Có *quai-sước* 扌 xếp với nhau.

Rành rành là theo hình dáng cả. Nếu chữ nào cũng xếp theo hình dáng như thế, có lẽ cũng đỡ phiền phức cho người mới học, vì những chỗ khó tra, phần nhiều là tại Khang-hi vừa theo hình-dáng vừa theo căn nguyên. Thí dụ:

Cùng có chấm *thủy* mà chữ *tửu* 酒 xếp vào bộ *dậu* 酉 chữ *giang* 江 xếp vào bộ *thủy* 水 chữ *hồng* 鴻 xếp vào bộ *điều* 鴻.

Cùng có chữ *môn*, mà chữ *văn* 聞 xếp vào bộ *nhĩ* 耳 chữ *vấn* 問 xếp vào bộ *khẩu* 口 chữ *khai* 開 xếp vào bộ *môn* 門.

Cùng có *quai - sước* mà chữ *tuần* 巡 xếp vào bộ *xuyén* 川 chữ *tiêm* 𠂔 xếp vào bộ *nhật* 日 chữ *đạo* 道 xếp vào bộ *sước* 扌.

Những chỗ tiện lợi và khuyết-điểm của Khang-hi tự-diễn, trong đoạn « căn nguyên phân - loại », sẽ bàn thêm.

e, *Tứ giác phân-loại, Système des quatre coins*

Cách này theo bốn góc chữ khác nhau mà phân - loại, do Vương-vân-Ngũ, chủ nhà in Commercial Press of Shanghai, phát-minh năm 1928. Xem đoạn « Hiệu mã phân-loại ».

f) *Phân loại theo tự-mô phân-bộ (classification d'après les subdivisions du carré calligraphique)*

Chính-số, nombre entier, và hán-tự có chỗ tương-tự không ngờ. Thí dụ: số 7, số 9, số 11, toán-pháp gọi là nombres premiers entre eux nghĩa là ngoài số một ra, không có số nào đem ba số 7, 9, và 11 chia ra cho đúng được. Còn số 70, 90 và 110, thì không những chia với một được, chia với hai với năm với mười đều được cả. Số mười là số công-ước lớn nhất của ba số 70, 90 và 110 (10 est le plus grand commun diviseur des nombres 70, 90 et 110). Nếu ta lấy ba số này chia cho 10, ta lại thấy ba số 7, 9 và 11 là số premiers entre eux. Hán-tự cũng có chỗ tương-tự như thế. Thí dụ ba chữ *khẩu* 口 *nhĩ* 耳 *tâm* 心. Khuôn chữ đề nguyên một ô, không chia ra làm hai ba mảng. Còn chữ, thì trừ nét ra, không thể phân tách ra nhiều phần giống nhau được:

Còn nữa

ĐÀO-TRỌNG-ĐỦ

TIỂU THUYẾT DÀI

TRÚC MAI SUM-HỌP

Số 18 của CHU-THIÊN

THẾ là kẻ bất-nhân! Sau khi kẻ đồng-tử này đã giết người rồi, toan ra thú ngay, ngặt vì cha mẹ phòng giữ không cho đi nữa. Nay thấy các nơi đều vì cái án ấy mà phải chịu nhều sự phiền nhiễu, trong lòng không nỡ nên phải lần trốn cha mẹ ra nhận tội để cho dân sự yên ổn làm ăn.

Trần - Long trong bụng nghĩ thầm :

— Đứa trẻ này thực là kỳ-dị, xưa nay chưa từng thấy bao giờ, ăn nói ra đáng anh-hùng, thực khiến cho ta phải kính-phục.

Nghĩ vậy, quan Đề-đốc lại hỏi :

— Nhưng vì sao mi lại phạm tội giết người ?

— Bẩm thưa thượng-quan, hôm ấy, kẻ đồng-tử này phi ngựa qua khu rừng ấy, nghe có tiếng kêu, lại gần xem thì ra một người cuỡi ngựa đương chực hiếp bắt một thiếu phụ, đồng-tử này liền dương cung bắn luôn hai phát, trúng cả người lẫn ngựa, rồi phi ngựa đi thẳng, không cho thiếu phụ kia biết mà tạ ơn. Nhưng sau đồng-tử này nghĩ, nếu giết người rồi bỏ đấy trốn đi, tất dân-cư ở đấy phải tội lây mất, đồng-tử này liền quay lại viết mấy chữ để làm dấu cho các quan tra xét, rồi định bụng sẽ ra thú nhận ngay. Nhưng về nhà thuật lại cho cha mẹ biết, cha mẹ liền giữ chặt đồng-tử này ở nhà, không cho đi đâu nữa, nên mãi đến hôm nay mới trốn đi được vào trình thượng-quan.

Trần-Long thầm khen chí-khí đứa trẻ, liền hỏi nữa :

— Ừ, ta biết vậy. Nhưng mi phải khai rõ tên mi là gì? Bao nhiêu tuổi? Cha mẹ là ai? Quê quán ở

đâu? Cứ thực nói ra ta xem nào.

Đứa trẻ liền nói :

— Bẩm lạy thượng-quan muốn rõ, dám xin thượng-quan cho mượn giấy bút, để đồng-tử này được làm tờ cung-trạng dâng lên.

Trần Đề-đốc thấy vậy, trong lòng lại càng lấy làm lạ, một đứa bé bằng ấy mà giỏi võ lại thông văn thì thật trên đời hiếm có. Chàng liền truyền sai quân-sĩ lấy văn-phòng tứ bảo đưa ra cho đồng-tử.

Đứa trẻ liền quý xuống đề tờ giấy vào đùi mà viết; trong chốc lát đã thảo xong, dâng lên trước án. Trông tay đứa trẻ viết múa-mang, nhẹ-nhàng nhanh thoăn-thoắt trong lòng đã xét bao thân phục, Trần Đề-đốc thấy đệ-tờ trình lên, liền vội-vàng đỡ lấy và khen :

— Đồng-tử giỏi nhỉ! Học từ bao giờ thế?

— Dạ !...

Nhưng Trần-Long đã đưa mắt xuống đọc tờ cung. Nhời cung rằng :

« Tôi nay họ Phan, vốn nhà phiệt-dagệt, tên là Tái-Tạo, còn độ ngáy-thơ, chín tuổi vào ra sân thi-lễ, một thân giống-ruồi chồn làm-toàn. Tiên-sơn là nơi thác tích, Lưu-đạo là xóm di về. Cha là Công-Độ, da mồi tóc bạc, gập-gheñh bề hoạn đã bao niên; mẹ là Lương-Thoa, núi đỏ rừng xanh, sẵn bản nghề nhà từ những thửa...

« Kẻ giặc dân kia giữa đường phạm-pháp làm cản, trái mắt xui người nên nghĩa phẫn; đứa tiểu-tử này trong lòng bất bình ghét ác, ra tay trừ hại cứu người oan. Biết tội đã nhiều, cam lòng thụ pháp ».

Trần-Long xem xong, hết sức kinh-ngạc, lại chừơng-chừơng nhìn đứa trẻ, khiến hẳn phải cúi mặt

xuống. Chàng sức nhớ đến Phan công mà bấy lâu nay đã mất bao công tìm kiếm. Phải chàng đưa đồng-tử này là con của Phan-công. Chàng liền-miên nghĩ vậy, đã toan hỏi, nhưng còn nghi-hoặc, để đợi bàn với Phan phu-nhân và Liên-Tường đã, nên chàng liền đứng lên lại gần nắm lấy tay đứa trẻ mà nói rằng :

— Công-tử thật là bậc thiên-tài, khiến cho bản-quan phải sinh lòng kính phục! Công-tử ạ! Công-tử đã ra thú-nhận, thực là đáng khen, nhưng hôm nay chưa tiện xét đoán. Vậy bản-quan muốn mời công-tử vào ở tại trong hậu-đường, chờ bản-quan đoán xử sẽ hay.

Phan Tái Tào nói :

— Đa tạ thượng-quan có lòng nhân hậu như vậy. Nhưng kẻ đồng-tử này là đứa ác phạm, hiện nay án-tình chưa xét, mà thượng-quan rộng ơn cho vào hậu-đường, tại mất thiên hạ tránh sao cho khỏi sự nghi-ngờ, điều đó kẻ tiểu-dồng này không dám tuân mệnh.

Trần Đề-đốc càng thêm kính phục, liền nói :

— Công-tử nói rất phải. Vậy bản-quan cho giam công-tử xuống nhà giam để đợi ngày xét xử nhé. Hay là công-tử muốn thế nào?

— Bẩm lạy thượng-quan, thượng-quan truyền thế nào, kẻ đồng-tử này cũng xin chịu. Nhược bằng, thượng-quan tin ở lòng ngay thẳng của đồng-tử không khi nào trốn tội, thượng-quan cho kẻ đồng-tử này được về Lưu-đạo cho cha mẹ đồng-tử khỏi sốt ruột mong chờ, bao giờ có lệnh gọi, đồng-tử này lại xin đến hầu thì thật vạn phúc cho đồng-tử này vậy.

— Được, thế bản-quan cho phép công-tử tạm lui, ngày mai phải có mặt sớm tại đây nhé.

— Bẩm vâng, ơn của thượng-quan, đồng-tử này xin ghi lòng tạc dạ.

Đợi cho đứa trẻ ra rồi, Trần-Long xem xét công-văn và giao phó mọi công việc rồi, cầm tờ cung của đứa trẻ vào hậu-đường đưa cho Liên-Tường xem và nói :

— Nhạc-phụ có lẽ còn sống, may ra vì việc này mà ta tìm thấy, phu-nhân ạ.

Phan phu-nhân nghe nói cũng vội chạy lại.

— Sao, sao, biến-lẽ rồi sao?

Trần-Long cung kính đáp:

— Thưa nhạc-mẫu, có một đứa trẻ đến nhận giết Tham - quan mà khai tên bố đẻ hợp với tên nhạc-phụ con.

— Đâu? từ cung đâu?

Liên-Tường đương xem qua vội nói:

— Dạ đây ạ! Thưa mẹ đề con đọc.

Liên-Tường đọc xong liền nói:

— Thưa mẹ, đứa bé này là bậc thiên tài đấy. Nhưng không chắc có phải là con cha con không? Cha con già rồi. Mà số lại hiếm đường tử tức, làm gì có con. Và già có còn sống ra nữa, thì một ông lão lưu lạc, ai lấy mà có con.

Phan phu-nhân suy nghĩ rồi có vẻ buồn nói:

— Đứa bé này lên chín tuổi, mà ông Phan nhà ta lưu-lạc đã hơn chín năm, ngót mười năm rồi. Kể nạp-thiếp thì cũng có con bằng từng ấy rồi. Biết đâu giới cha tựa người ngay, mà run rủi cho nên như vậy. Các con thử hỏi lại đứa trẻ xem.

Trần-Long vội nói:

— Thưa nhạc-mẫu, con lại vừa cho nó tạm về xong, sáng mai nó lại đến hầu.

Liên-Tường vội kêu lên:

— Ơi nó là phạm nhân, phu-quân không giam, lại cho nó về. Nhỡ nó trốn đi không đến nữa thì sao.

Trần-Long lại thuật lại mọi cử chỉ, mọi nhời nói của Phan Tất-Tạo cho Phan Phu-nhân và Liên-Tường nghe, rồi kết luận:

— Một kẻ kỳ dị anh hùng như thế khi nào sai lời mà bỏ trốn. Nếu nó trốn, nó đã không ra thú nhận. Minh bắt giam nó chẳng hóa ra hạp hơn nó ư?

Cả nhà đều đánh lòng chờ đợi đến ngày mai xem hư thực thế nào.

Sáng sớm hôm sau, Trần-Long ra công đường đã thấy Phan Tất-Tạo quỳ lạy ở dưới thềm, bèn chạy lại dắt vào cho ngồi, rồi đuổi hết các

người hầu hạ ra ngoài mà nói rằng

— Công-tử ạ! Cứ như lời trong cung-trạng của công-tử đã tỏ bày ra đó, ai hay lại là lòng trời xui khiến cho bản quan một việc đáng nên mừng. Vậy bản-quan muốn hỏi mấy lời tâm phúc. Công-tử nên thực lòng mà nói cho bản-quan hay.

Phan Tất-Tạo cung-kính đáp:

— Trăm lạy thượng-quan, thượng-quan đã có lệnh hỏi, tâu-đồng xin biết sao cứ thực thà khai vậy.

Trần-Long cười và hỏi:

— Tôn-nghiêm húy là Công-Độ, phải không? Chẳng hay năm nay ngài bao nhiêu tuổi? Thôn Lưu-đạo chính là quê-quán ngài hay sao?

Phan Tất-Tạo nói:

— Bẩm thượng-quan, gia-nghiêm chính húy là Phan-Công-Độ, năm nay sáu mươi tám tuổi, khi trước làm Lễ-bộ Thượng-thư triều Lê, sáu bị nạn được tha, lên ở Lưu-đạo, đã được hơn mười năm.

— Tôn-từ năm nay bao nhiêu tuổi?

— Bẩm thượng-quan, gia-mẫu năm nay 43 tuổi.

— Tôn-từ kém tuổi tôn-nghiêm nhiều vậy, chắc là sau này mới lấy nhau?

— Bẩm vâng, gia-mẫu nguyên là thứ phòng, vì gia-nghiêm lên ở Lưu-đạo này mới làm bạn với gia-mẫu mà sinh ra tâu-đồng này. Chứ cứ như lời gia-nghiêm thường nói thì gia-dịch mẫu không rõ lưu-lạc nơi nào. Đã nhiều lần thăm dò tìm kiếm mà không thấy. Gia-nghiêm đêm ngày vẫn lấy làm buồn.

— Công-tử được mấy anh em chị em?

— Bẩm thượng-quan, hiện nay chỉ có một mình tâu-đồng này thôi. Thường nghe gia-nghiêm nói gia-dịch mẫu sinh được tiện-tử gọi là Liên-Tường bị nạn than lửa thiệt mạng mất rồi, tâu-đồng đâu không biết, nhưng nhớ đến cũng động lòng xót thương!

Nói xong, Phan Tất-Tạo cúi mặt xuống có vẻ nhớ thương!

Lúc ấy Liên-Tường cùng Phan phu-nhân đứng nép sau bình phong

trông ra nhìn kỹ rõ mặt tâu-đồng, thì thực giống Phan-công và nghe những lời nói, thì chắc là con em mình rồi, đều cùng cảm-động, mừng thương mà ràn rụa nước mắt.

Trần-Long biết đích xác là em mình rồi, mừng quá, ngồi ngẩn ra giây lâu rồi mới lại hỏi:

— Công-tử có muốn gặp tôn-dịch mẫu và lệnh-tử không?

Tất-Tạo đáp:

— Tâu-đồng, gia-dịch mẫu cũng mong có ngày gặp, chứ gia-tử chết rồi còn gặp được sao?

Lúc ấy Phan phu-nhân và Liên-tường nóng ruột không nén nổi mừng đều chạy lại, kể ôm, người nắm tay Tất-Tạo mà mà khóc.

— Con ơi! Ta là đích mẫu con đây!

— Ơi, chị còn sống đây kia mà!

Tất-Tạo thấy vậy sợ quá, không hiểu gì cả, hoảng hốt ngã lăn ra, tưởng chừng như hai người kia đã chết cả rồi, nay đều hiện về chực bắt chàng đi.

Trần-Đề-đốc vội ôm bế Tất-Tạo lên lòng vuốt mái tóc và dịu dàng nói:

— Công-tử đừng sợ!

Rồi đem hết sự tình kể cho Tất-Tạo nghe.

Tất-Tạo vừa nghe vừa bình-thoảng đưa mắt nhìn trộm Phan phu-nhân và Liên-Tường. Trần-Long nói hết, Tất-Tạo liền mừng rỡ bội phần, quay lại trước mặt Phan phu-nhân sụp xuống lạy mà rằng:

— Trăm lạy đích mẫu, đứa con bất hiếu này thật là tội ác muôn vãn. Đích mẫu ở gần đây mà không biết đến bái yết.

Phan phu-nhân liền đỡ Tất-Tạo dậy mà âu yếm bảo:

— Mẹ già rồi, thấy con nên người như thế này là mẹ mừng. Và nhờ con, mẹ lại được gặp cha con...

Tất-Tạo quay lại lạy Liên-Tường và nói:

— Thưa hiền-tử, đứa nghịch đê này có chị mà không biết, nghĩ lại thêm lỗi đau lòng!

Còn nữa

CHU-THIÊN

GIỚI THIỆU

I. Tú Mỡ của Lê-Thanh. — Nhà xuất-bản Cộng-lực vừa cho ra cuốn sách nhỏ phê-bình văn-nhân thi-nhân Việt-nam hiện đại: đó là cuốn *Tú Mỡ của Lê-Thanh*.

Trong làng báo ta, ông Lê-Thanh không phải là một cây viết lạ. Cuốn sách của ông chắc sẽ được phải trí-thức đề ý vì trong đó ông đã theo phương-pháp phê-bình mà thử phá-tích tâm-hồn và cái cười của Tú Mỡ, một thi-sĩ trào-phúng trong tờ báo Phong Hoa và Ngày Nay thừa nọ.

Ai đã từng đọc những văn thơ diễm mà không kén bề sâu sắc của Tú Mỡ cũng nên đọc cuốn sách phê-bình của ông Lê-Thanh.

Mặc dầu cuốn sách đó hơi mỏng nhưng tác-giả đã dụng công nhất tài-liệu và nghiên-cứu về Tú Mỡ một cách vô tư.

Phân đầu cuốn sách tác-giả nói về thân-thế của Tú Mỡ, rồi lần lượt nói tới văn-chương và tư-tưởng mà phân biệt thơ khô-hài và thơ trào-phúng. Sau rồi tác-giả nói tới cái cười của Tú Mỡ nó đã làm cho thi-sĩ ấy có một địa vị trong văn giới Việt-nam hiện tại.

Địa vị ấy thế nào? Tác-giả viết:

« Ta sẽ không thể bỏ qua được Tú Mỡ. Không những thế, ngay bây giờ trong cái hội Tao Đàn Việt-Nam, bên những bức tiền bối, Tú Mỡ có thể chiếm được một chỗ ngồi mà không bên-lên, và đó là một danh dự rất xứng đáng với cái văn nghiệp của ông ».

Nói tóm lại, cuốn Tú Mỡ của ông Lê-Thanh đáng được mọi người đem đọc và suy nghĩ.

Chúng tôi vui lòng giới-thiệu với các bạn đọc cuốn sách đó và mong ông cứ tiến hành công việc thu thập tài-liệu để sau này chúng ta sẽ cố gắng hiển cho những ai muốn viết bộ Việt Nam văn học sử hiện-đại.

PHẠM MẠNH-PHAN

..

II. Chợ chiều của Trúc Khê. — Đó là một cuốn thơ mà nhà xuất-bản Lê Cường vừa cho đem bán ở các hiệu

sách.

Đã lâu lắm, trên văn đàn mới lại có một cuốn thơ ra đời. Các thi-sĩ dường như thấy thời-tiết oi-ả, đã muốn lánh mặt mà dẫn dỗi với Nàng Thơ,

Trùi lại, ông Trúc Khê, bằng những vần điệu nhẹ nhàng mà lưu-loát, đã làm bạn với Nàng Thơ một cách thành-thực và thân-tĩa. Nói tới ông, người ta chỉ tưởng ông là một nhà học giả đóng đần; nhưng người ta quên rằng ông còn là một thi-sĩ. Trong những giờ nhàn rỗi ông đã từng ngâm vịnh để khêu gợi những cảm-tưởng vì đần mà có.

Những bài thơ của thi-sĩ Trúc-Khê không có nhuộm mầu cô-đề, mặc dầu ông là một nhà nho đã từng thấy hàn học có quang-cảnh một buổi « chợ chiều ».

Cuốn thơ của ông Trúc-Khê được trình bày một cách mỹ-thuật và nhã-nhặn. Xin thành thực giới thiệu với các độc giả và các bạn làng văn.

MẠNH-PHAN

III. Một ngày của Tolstoi của K. Lê-Thanh - Quế — Trong tủ sách « Gió tây » của nhà xuất bản Tân Việt mới có một cuốn sách lạ: *Một ngày của Tolstoi* của ông Kiêu Thanh Quế, tác giả cuốn *Phê-bình văn-học*.

Đó là một cuốn sách mỏng gồm một trăm trang nói về nhà văn hào Nga Léon Tolstoi (1828-1910), một tâm hồn bí hiểm giàu lòng bác-ái đối với những người nghèo khổ.

Ở chương « Mở đầu », tác-giả phác qua cái sự-nghiệp văn-chương của Tolstoi, một sự-nghiệp đã được hầu hết dịch ra các thứ tiếng ngoại quốc.

Rồi lần lượt tác-giả tả tới cái chân dung quê-mà chất phác với đôi mắt có thiên tài của nhà văn ấy cùng những hành vi tư-tưởng trong đời kỳ dị của văn nhân. Tolstoi là người thế nào, mà tư-tưởng quỉng-đại bác ái luôn luôn xung đột với gia-đình để về sau phải sống một cuộc đời đau khổ, phải hát hơi thở cuối cùng trên toa xe lửa xe vắng họ hàng thân-thích?

Ngày thường, Tolstoi đã xếp-đặt đời mình ra sao và vì lẽ gì tối nào trước khi đi ngủ Tolstoi cũng viết vào trang nhật ký ba chữ bí hiểm: N. T. S. (nếu tôi sống)?

Đọc cuốn *Một ngày của Tolstoi* của ông Kiêu Thanh-Quế, độc-giả sẽ rõ.

Chẳng những cuốn sách đó đã phá-tích tâm hồn Tolstoi một cách rành-mạch sòng-sủa, mà đến cách hành văn ông Kiêu Thanh-Quế đã tỏ ra mình có một ngòi bút chắc-chắn và bay-buồm.

Hai tí-dụ sau đây chứng cho lời nói đó:

Trang 29: « Khi đến giáp giới cánh rừng, ông chỉ Tolstoi dừng ngựa lại, lắng ngấm cái phát tiếng liếng của mặt trời lên, phát hồi sinh muốn vật của ánh triền dương chói rạng. Trên muốn là thắm, những mũi tên gợn sóng nạm vỏ vắn hạt ngọc kim cương.

« Con tuấn n.ã chạm rãt phi nước ki(n... »

Trang 43: « Tolstoi kéo dài mãi cuộc đời trong gia đình, ngày này sang ngày khác, kiến tâm yên lặng trong những phần nộ ẩn thẳm nhìn vào tận đáy lòng mà so đo, suy xét, hoài nghi, ghi chép... Cuộc đời ông là một tù-ngục bí-mật núp sau những cái tráng-lệ hay-hoàng ».

Ở phần phụ-lục tác giả có dịch một bài của Stefan Zweig nói về lối « Tự truyện » (autobiographie) mà nước ta chưa có.

Chúng tôi xin giới thiệu với các bạn cuốn sách đáng đọc ấy của ông Quế.

MẠNH-PHAN

IV. Nam kỳ tuần-Báo vừa ra số một ngày 3 Septembre 1912, là một tờ tạp chí chú-trọng về việc bồi đắp nền trí-dục, đức-dục và thể-dục cho quốc-dân.

Tạp-chí do ông Hồ Văn-Trung đứng (đồng-ly, nhà in Thanh niên ấn hành, khổ to, in đẹp, giá 0,2) một số.

Tri Tân xin hoan nghênh bạn đồng-nghiệp, giới thiệu cùng độc giả và chúc bạn đồng nghiệp đạt được mục-đích.

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

mới phát hành

THI-THỌAI

Một kho tài-liệu vô giá của các nhà thơ, các nhà yêu thơ, các nhà nghiên-cứu thi-học, văn-học. Dầy ngót 300 trang, giá 2p.00, gần hết

LƯỢC-KHẢO VỀ

MỸ-THUẬT VIỆT-NAM

của Từ-Lâm NGUYỄN XUÂN-NGHỊ
Kiến-trúc-sư tại bộ Công Nam-triều, đã được các báo *Annam Nouveau, Patrie Annamite, Trang-Bắc, Việt-Báo, Tráng-An* ngợi khen. Giấy Bouffant và giấy lệnh còn 20 bộ, 3p.50; giấy thường giá 1p.50

ĐẠO-SỐNG

NGHIÊN-CỨU VÀ PHÊ-BÌNH CÁC CHỦ-NGHĨA ĐẠO-LÝ TRIẾT-HỌC ĐÔNG-TÂY

Tựa của cụ Thượng PHẠM-QUỶ

MỤC-LỤC SÁCH « ĐẠO SỐNG »

- I Khoái-lạc chủ-nghĩa: *Aristippe, Epicure, Bantham, S'nart Mill, Dương-Chu*
- II Cảm-tình chủ-nghĩa: *Adam Smith, Jésus Christ, Thích-Ca, Fichte, Tolstoi, Schopenhauer, Auguste Comte, Durkheim*
- III Lý-tri chủ-nghĩa: *Epictete, Marc Aurèle, Zénon, Jou, roy, Mặc-Tử, Lão-tử, Trang-Tử, Khổng-Tử, Mạnh-Tử, Tuân-Tử.*
- IV Hình-thực chủ-nghĩa: *Kapit*

Bản giấy thường giá: 2p.00 Bản giấy registre và lệnh chỉ (còn 30 bộ) 4p.00

Bản thảo (thủ bút tác giả) đóng bìa toàn gấm 100p.

Mua một cuốn xin gửi tiền trước thêm 0p.40 cước, không bán lẻnh hóa giao ngân

ĐANG IN SẮP XONG

HỌC=THUYẾT MẶC-TỬ

MỘT HỌC THUYẾT XƯA ĐƯỢC SUY TÔN
NGANG HÀNG VỚI ĐẠO-HỌC NHÀ NHO

Giấy thường giá	1p.50	
Giấy lệnh chỉ (có chữ ký tác giả)	3.00	(còn 3 bộ)
Giấy Bouffant (có chữ ký tác giả)	4.00	(còn 4 bộ)
Giấy Vergé baroque crème (có chữ ký tác giả)	7.00	(còn 2 bộ)
Bản thảo (thủ bút tác giả) đóng bìa toàn gấm	100p.	

Thư từ và ngân phiếu để tên ông LÊ VĂN-HÒE

Giám-đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

16 bis, rue Tien-Tsin — Hanoi